

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TỰ TRÌ KÝ

Sa-môn Thích Nguyên Chiếu ở Dư Hàng, đời Đại Tống soạn.

QUYỂN TRUNG (PHẦN 1 - 1)

Quyển trung đề hiệu đều đồng phần giải thích trước, văn nêu bốn thiên, gồm nói về tự hạnh, không đâu chẳng phải là lia ác, hộ bốn đã thọ. Y cứ theo thứ lớp thực hành thì đức thành có dụng, hợp thành quyển thượng. Nay hưởng về vị trụ trì công có hơn kém cho nên có thứ lớp. Trong phần nêu thiên; các thiên trên dưới đều y cứ theo Yết-ma. Bốn thiên của quyển này đều y theo giới bốn, ba quyển trước là tinh trì, một quyển sau là hối. Lại trong ba quyển trên, hai trước tùy văn, thứ ba gồm nghĩa. Lại trong hai quyển trước, một là giải tên chung, hai là giải tướng khác nhau. Có các trường hợp khác này do đó chia ra.

THIÊN GIẢI THÍCH THIÊN, TỰ

Thiên tự: Là nhiếp đại khoa của phạm, y cứ vào cương yếu của sự dứt trừ. Phân biệt nghiệp nặng nhẹ để quyết định quả báo sâu cạn.

Thiên là tên của chương phẩm, nghĩa là tội chia ra cuộc đoạn. Tự là hiệu của tụ tập, nghĩa là phạm có điều lưu. Thiên xuất xứ ở bộ Tăng-kỳ, tự xuất xứ ở Bốn luật, tên khác mà nghĩa thì một, vì thế ở đây nêu cả hai.

Lời sơ dẫn lời giải thích xưa, đủ ba điều kiện đồng nhau. Tên Thiên:

- 1- Tên đồng: Năm thiên đều đồng tên nên tên đều bình đẳng.
- 2- Thể đồng (phạm sám hối đồng).
- 3- Rốt ráo đồng (không các thiên phương tiện).

Không đáng gọi là tụ như Thâu-lan-giá, Đột-cát-la, chỉ có danh đồng, thể không đồng (tội Thâu-lan-giá chia ra ba cách sám, tội Đột-cát-la hai cách hối). Rốt ráo không đồng (tội Thâu-lan-giá đầu, hai tòng sinh, Đột-cát-la chung cho các thiên phương tiện).

Nay Sư không như vậy, Thiên và Tự là tên chung, không cần đối

riêng. Chỉ y cứ theo năm thiên bảy Tự để chia đồng và xen lẫn. Vì thế, Sơ chép: Dầu khiến tự từ nghĩa năm vị đủ ba điều kiện đồng nhau, thiên tên tùy bảy tự, bản nhân tạp nhiếp.

Hỏi: Nếu y cứ theo giới bốn thì tự có tám thiên, nay chia ra năm thiên bảy tự, làm sao đối nhau?

Đáp: Nay nói thiên và tự không hạn cuộc giới bốn, chỉ đặt tên gồm thâu các tội. Nếu dùng năm để đối giới bốn thì ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề và chín mươi pháp Ba-dật-đề hợp tại thành một. Hai pháp bất định và bảy pháp diệt tránh gồm quy về Đột-cát-la. Song bốn lập tên không theo văn tướng chỉ khiến luật nghi đã chế, cảnh khắp trần sa, nhân quả nặng nhẹ đều quy về năm thiên bảy tự. Nhưng năm thiên thâu nhiếp căn bản, bảy tự tạp bốn cho là khác mà thôi.

Hỏi: Một tự Đột-cát-la nghĩa ba đồng (quân) thiếu đó làm sao xếp vào năm thiên?

Đáp: Vì thế trở xuống trong văn đồng tạp phân chia y cứ vào bốn quyển trước. Nay y theo lời sơ trong giới, lại nói theo một trăm giới của giới bốn để, trong Đề thiên, tự nói thông “danh” “báo” ở sau. “Danh” “báo” nói khác tức hai môn sau:

- Danh nghĩa là giáo chế ra hình phạt.

- Báo là nhân cảm quả.

Tìm danh thì biết giáo; quán quả thì rõ nhân.

Chương này đối với những việc này mà thấy đó (có bốn ghi rằng lại báo là lầm).

Theo ý tôi, hai câu trên của khoa trước, là trưng, thật trở xuống là giải thích lý do.

Giới thể là nền tảng của Thánh đạo, chứa nhóm pháp lành, siêu vượt cõi trời, cõi người, có khả năng nhận sự cúng dường của mọi người, sinh phước làm lợi ích chúng sinh, thật do đây mà thôi.

Thị trở xuống là dẫn chứng: Thọ nghĩa là thọ thể; Trì nghĩa là tùy hành; Tánh tức là thể.

Khoa kế, trước nói thuận ích, hai câu trên hạnh tự lợi, câu trước dụ cho chỉ trì, câu sau dụ cho tác trì. Hoặc có thể câu trước là ý nghiệp, câu sau là thân miệng thể thanh tịnh. Tánh của ngọc là trong sáng, là sự ô nhiễm thành đức, nên dùng để thí dụ.

Nãi trở xuống là hạnh lợi tha, câu trên là hiển công, câu dưới là nói tên. Hạt giống thiện, ruộng phước pháp và dụ, cả hai đều nêu. Nếu nói về thể thọ cũng gọi là hạt giống thiện. Nay đối với sự sống của hạt giống đó nên dụ như ruộng.

Bất trở xuống là nói trái, tổn hại. Câu đầu chỉ tâm năng phạm, ngược với hai từ ở trên nên nói không phải như vậy.

Túng nghĩa là mặc sức buông lung theo dục tình.

Cự nghĩa là trái nghịch với lời dạy của Đức Phật, câu kế chỉ lỗi đã phạm, không ra ngoài hai phạm: Biếu tặng và y.

Thích nghĩa là lo buồn, chung cho nhân quả. Tội do tâm tạo không phải do người khác thêm cho mình, đây là tự tặng mà thôi.

Tiện trở xuống là giải thích y thích ở trên. Câu trên là thành nhân, câu dưới là cảm quả, mắc tội.

Ngục: Tiếng Phạm là Nại-lạc-ca, Hán dịch là Thọ khổ khí. Lạc-ca, Hán dịch là thọ khổ, tức y báo chánh báo.

Luận Trí Độ nói có mười sáu ngục; tám ngục nóng và tám ngục lạnh.

- Tám ngục nóng là:

- 1- Hầm than
- 2- Nước tiểu sôi
- 3- Rừng cháy
- 4- Rừng kiếm
- 5- Đường đao
- 6- Rừng gai sắt
- 7- Sông mận
- 8- Cọc đồng

Lại tám ngục này, mỗi ngục có bốn cửa, mỗi cửa có bốn ngục Du tăng (thêm tội chịu khổ) dữ dội.

- 1- Đường ối
- 2- Phần sôi
- 3- Dao nhọn
- 4- Sông sôi.

- Tám ngục nóng là:

- 1- Át-phù-đà
- 2- Ni-la-phù-đà
- 3- Ha-la-la
- 4- A-bà-bà
- 5- Hâu-hâu
- 6- Âu-ba-la
- 7- Ba-đâu-ma
- 8- Ma-ha Ba-đâu-ma.

Đều ở dưới Châu Thiệm-bộ bên cạnh đại địa ngục, kinh luận nói

danh tướng của địa ngục có nhiều khác nhau, vả lại y cứ một văn mà nói có hai loại tám ngục mà thôi.

Cố trở xuống là nêu bày ý của lời dạy, do Thiên và Tụ đều quy về trì và phạm. Nói phạm là trái, trì là thuận. Trong văn năm thiên bảy tụ đều đối trì và phạm, là văn nương nhau, nghĩa không nghiêng lệch.

Trong phần ba nói tổn, hai câu đầu nói tánh thuần, hai câu kế nói không học. Điều lệ tức phẩm loại của thiên và tụ. Hiến chương nghĩa là tướng phạm, không phạm.

Tùy trở xuống nói mê mờ giáo luật.

Tùy giới tức giới tướng.

Vụ du quán hải (sương mù mà đi xem biển) đều dụ không rõ ràng.

Trí trở xuống là bày lỗi. Hai câu trên nói tùy theo trần mà ưa thích, vì thế nói quên trở về. Hai câu dưới mặc tình theo nghiệp mà sinh nên không biết tỉnh lại, đi không trở lại.

Kinh Đại Tập có chép: Xưa có một người tránh hai con voi say (sinh tử) buộc một sợi dây (mạng căn) thả xuống giếng (vô thường), có hai con chuột trắng và đen (ngày đêm) cắn đứt sợi dây, bên cạnh có bốn con rắn muốn chích nọc độc (bốn đại), dưới có ba con rồng phun lửa, giương móng chống cự (ba độc). Người đó ngược lên nhìn; thấy hai con voi đã ở bên trên thành giếng, buồn lo không biết chỗ nào nương dựa. Bỗng lúc đó có con ong bay qua nhỏ giọt mật vào miệng (năm dục), người đó nuốt mật này vào, quên hết nguy hiểm sợ sệt. Nay dụ Tỳ-kheo không sợ các điều khổ, tham đắm năm món dục không có tâm nhàm chán, vì thế trở xuống là dẫn chứng.

Kia chép: Phá giới mà nhận sự cúng thí sẽ chiêu cảm quả báo hiện tiền, bụng thì bị vỡ ra, y ca-sa lìa thân, hoặc không có tướng này thì sẽ bị sinh báo cho nên nói là vân vân. Trong phần lập Thiên thứ tư, trước nêu căn bản của nghiệp báo. Nghiệp là nhân, nghĩa là chỗ thành của hai tội phạm. Báo là quả, nghĩa là đọa địa ngục trong kiếp số. Nhân quả đều do tâm, nói chung lớn nhỏ. Y cứ về giáo thì giới hạn, lựa chia ra cạn sâu. Ất trở xuống nêu bày ý lựa chọn. Hai câu đầu chỉ bày văn, sau giải thích tướng, vì thế nói rằng trước phô tướng. Nhân quả tức khoa sau trong phần quả báo phạm tội, trước sinh khởi nghiệp, tức nói nhân sau dẫn văn nói quả. Tướng hiệu là danh nghĩa của sáu tụ. Đối trở xuống hai môn, văn nêu không thứ lớp, theo lời thuận tiện vốn không có ý khác. Sử trở xuống là hiển ý. Phạt tử là nói chung những người vâng hành pháp sau này. Y cứ về đại thì khen ngợi tốt đẹp sâu xa phù hợp với

tôn ý. Quán quả: Thấy quả báo khổ nhiều kiếp. Biết nhân: là suy.

Do giáo mà biết, đã biết thì phải sợ. Vả lại, tâm duyên vào cảnh mà phát, quả từ nhân mà thành. Tạo tội chịu báo bị đắm chìm nhiều kiếp, đến khi nhân duyên hội ngộ thì hình ảnh không sai. Đến chỗ lửa cháy, nước sôi đau khổ không thể chịu nổi, sương lạnh đóng băng kêu không thể nghe. Muôn điều khổ xung đột vào tâm như sắt nấu nóng chảy chứa nhóm lại. Lại suy nghĩ đến nghiệp tuy sám hối cũng không kịp, mang lông đội sừng làm loài vật bay lên hư không hoặc lội dưới nước, mạng sống bị phụ thuộc bởi người giết mổ, hoặc kẻ săn bắn máu thịt phò thác cho bồi bếp. Hoặc bị đuiếc lửa quơ vào miệng, kim chân cổ họng đói khát đau khổ thân thể, máu huyết dơ uế ăn nuốt để sống.

Sau nêu địa ngục Nê-lê, lại nói về quả báo chung. Tùy nghiệp đã gây ra mà đọa vào ba đường ác, tạp loại này sao không chịu tin ư? Họa phước không có cửa, lên xuống do mình, hướng gì kinh Phật đã chỉ bày rộng, Tổ dạy rõ ràng, chứa nhóm điều ác sâu dày, lơ là không kính tin Phật pháp. Than ôi! Loài hàm linh cò bay máy cựa sinh tử mờ mịt. Phương tiện nhiều cửa, ai một phen ngộ được?

Câu “đâu để ca sa lìa thân” là nói không tiếc thân người, ở trên đám ruộng phước tốt mà tự sinh gai góc. Trong câu “vả lại: Người có thể dùng lời nói trên”. Người trí nói phải có ba điều suy nghĩ, thấy điều ác như rơi vào nước nóng, gặp việc lành thường nghĩ không bằng, mới gọi là Phật tử, có chút phần tương ứng với sa-môn, thấy quả biết được nhân kia.

Lời tuy rườm rà nhưng y đâu có cùng tận.

Trong phần khai chương, khoa đầu trước nói giới hộ: Muốn nói thiên, tụ nghiêm khắc, phạm thì quả báo nặng. Thật là do công sâu đã thọ, đến nỗi khiến người có trái phạm thì sẽ bị hình phạt nặng. Đặc biệt trước chỉ bày, sau mới hiển bày văn. Tông tức là bốn. Trong phần nói hộ giới, khoa đầu trước chứng khởi. Do trở xuống là giải thích chung. Định tuệ nương nhân vì là tông chủ của muôn hạnh nên nói là sinh thiện. Khuôn nhiếp tăng tông, duyên trì Phật pháp nên nói là kiến lập mạnh mẽ. Lược nêu hai mối để bày thể dụng.

Nêu tông, cái gọi là thuận thì Tam bảo trụ trì, nói việc Tỳ-kheo, trái thì hủy diệt chánh pháp, lại gieo trồng nghiệp khổ, tức đồng với ý này.

Trong phần dẫn luận nêu, trước chỉ bày xuất xứ. Nói hộ giới: Nêu hạnh là thể, gồm thân pháp tướng. Vị trở xuống giải thích danh tướng, đầu tiên phân đối hoặc nghiệp.

Luận kia nghiêm trị tâm hoặc trong ba cõi gọi là đối trị hộ, vì thế nói rằng ở nơi tâm. Ngăn ngừa thân miệng tà nghiệp thì gọi là giới hộ, vì thế nói rằng từ thân miệng. Có hộ trở xuống là chỉ bày đơn phức.

Do hoặc là cõi gốc của nghiệp, nếu chỉ giữ tâm hoặc không đến thân miệng nên nói là không cần có giới. Lại nghiệp nương hoặc mà thành, nếu ngăn ngừa tà nghiệp phải gồm ngăn ngừa tâm, vì thế nói rằng kia nhất định là hộ. Song hộ là để trị hoặc nghiệp, chẳng phải cho rằng lý quán tức là giới hạnh. Luận kia cho đó là “hoặc tỳ-ni”.

Trong kinh chưa rõ văn nào, hoặc sợ lời sơ đã dẫn (xưa nói: Trong luận tự chỉ bày: Xét trong đó không có văn).

Trong phần nêu giải thích tám đoạn, mỗi đoạn đều có pháp dụ. Ba đoạn trước là dụ cho giới thể, năm đoạn sau đều nói giữ gìn tức dụ cho giới hạnh. Bốn cùng với đầu xen lẫn. Trước dùng Vương tự dụ thẳng thọ thể, sau dùng (cha thương con) để dụ tùy hạnh. Mất dụ cho chánh kiến. Lương thực ví như trợ đạo. Quốc (nước) nghĩa là đầy đủ thuốc công đức tức trừ chướng, tìm xem văn có thể biết.

Trong phần ba nói như ý châu: Trong luận Trí Độ chép: Trong óc của rồng nhả ra, chúng sinh được châu như ý này sẽ dứt được sự nghèo cùng, diệt được các sự độc hại (hoặc nói rằng trong tim chim cánh vàng, hoặc nói là xá-lợi Cổ Phật).

Đường lành là trời, người, bồ-đề là quả Phật, giữa lược ba thừa, vì thế nói là cho đến.

Trong phần bảy nói ba việc tức tài nghĩa là nước giàu có.

Dục trần nghĩa là các cảnh sắc, thính, v.v...

Câu “Quốc Tức Trần là vua” ý nói vừa ý.

Cổ trở xuống: Do tâm an hợp. Chánh pháp tức thể lại hiệu, không để mất việc kia.

Trong phần hợp pháp, từ vô lượng trở xuống ba câu là phối hợp với ba việc trước.

Trong phần kết khuyên nói công nghiệp trọng: Gồm tám dụ trên quy về hai nghĩa trước, còn lại đều trong phần sinh thiện. Trong một, bốn và bảy dụ công lao kiến lập mạnh mẽ.

Kế nói về thiên và tụ.

Trong phần chánh, khoa đầu trước nêu bày danh số xen nhau. Năm thiên thủ đồng đều, bảy tụ y cứ tạp, nhưng chia ra thân miệng nên nói rằng y cứ nghĩa.

Tội Đột-cát-la chúng đủ hai phần, tội không khác thể nên chỉ có sáu.

Hỏi: Trước dẫn lời giải xưa định năm là thiên, bảy là tụ. Nay trước sau các phần đều có năm thiên bảy tụ, như vậy trở lại đồng với chấp xưa, vậy ý kia thế nào?

Đáp: Chỉ phần hạn cuộc kia, tức nêu bày tên chung của thiên, tụ. Đã nói rằng cả hai thông, tùy dùng có ý mà không thể được.

Nay trở xuống là y cứ về kết tội để nêu tên.

Trong phần Phật xuất, tiếng Phạm đặt ra hình danh này, xứ này vốn không có làm sao đối chiếu giải thích.

Cổ trở xuống các tên hoặc là vọng thánh đạo (như Ba-la-di, Thâu-lan-giá), hoặc y cứ vào hạnh nghiệp [Ba-la-di, Tăng tàn, Đột-cát-la), hoặc đối chứng pháp (Ba-la-di, Tăng tàn), hoặc đến lai báo (Ba-la-di, Ba-dật-đề) hoặc từ sám pháp (Tăng tàn, Xả đọa, Đề-xá-ni) đại lược như vậy, còn bao nhiêu như sau giải thích.

Đầu, trong tụ Ba-la-di, bộ Tăng-kỳ câu đầu gồm phiên dịch, ba phần sau là giải thích riêng, đầy đủ ba nghĩa nêu bày cực ác. Nghĩa lui sụt ở trước như phần hỏi đáp sau.

Hai hạng tăng: Giống như bốn phần sau:

Đọa A-tỳ: Trong kinh Mục-liên vẫn chỉ nêu bày kiếp số không nêu tên ngục.

Trong Tạp Tâm nói đọa vào địa ngục Viêm Nhiệt một ngày một đêm. Văn đây phán quyết, kinh Thập Luân đều nói A-tỳ tức ngục vô gián.

Như kinh Niết-bàn chép: Trong đó không có một chút tạm vui (vì thường chịu khổ), không có một chỗ trống (thân và địa ngục đều tám muôn do-tuần) vì thế nói là Vô Gián. Người trí thấy việc này không kinh sợ hay sao?

Trong luật Thập Tụng, trước dẫn văn luật, luật kia dịch Ba-la-di là Đọa, tức thọ giới rồi là nói bốn đọa này.

Chữ đọa trong luật Tăng-kỳ chuyển giải thích là cực ác, không giống như luật này. Trong văn nhiều chữ, ý là dùng lời sao xưa trong luận, so sánh đó đều không.

Nói không như nghĩa là không như ma. Tức nghĩa đọa phụ trở xuống dẫn luận giải thích, rõ biết đây là viết lầm.

Ma có bốn loại, thường âm mưu độc hại lẫn nhau phải dùng giới binh phòng ngự chiến đấu. Nhưng, nay người tu hành giới lực yếu kém, ma quân mạnh hơn, vì thế dùng làm dụ.

Trong bốn luật có ba nghĩa:

1- Đoạn đầu: Tức một trong bốn dụ trong phần thọ pháp nói

tướng.

- 2- Như chặt cây đa-la.
- 3- Như kim sút mũi.
- 4- Như khối đá vỡ làm hai.

Dụ tuy có bốn, đồng dụ thể hoại, đoạn hẳn Thánh đạo nên nói hành pháp phi dụng.

Kế nói vô dư, tức ngăn pháp rằng: Như ngăn các việc làm vô căn vô dư, v.v... (Tăng tàn là có dư, tên cũng nêu kia). Hành hoại vô công, không tham gia việc của chúng, vì thế nói là dứt phần.

Cố trở xuống là dẫn chứng, tức kệ trong luật, quyển trước đã dẫn.

Ba là Bất cộng trụ, danh đã thấy trong giới bốn.

Hỏi: Ở đây khác gì với vô dư ở trên?

Đáp: Trên thì y cứ về mình mà nói, như thầy chết kia, còn ở dưới thì đối với tăng mà nói như bị dạt ra khỏi biển. Đối với nghĩa đầu tiên của luật Tăng-kỳ có một ít giống. Đây kia hai tên đồng với thứ hai kia.

Trong phần hỏi đáp, lời hỏi có hai: Trước là lặp lại phần đầu, y cứ trở xuống là chánh hỏi có hai: Một là hỏi phạm nặng, hai là hỏi có không.

Trong phần đáp ở đầu, hai câu trên chỉ không nhất định, hai câu sau từ có mà lập.

Nhập tránh luận: Tức phẩm Tránh luận trong kinh Niết-bàn chép: Nay người Thiện nam! Ta đối trong kinh nói rằng: Nếu có Tỳ-kheo phạm bốn tội trọng, không gọi là Tỳ-kheo, không thể sinh hạt giống lành, thí như hạt giống rang không thể sinh quả, v.v... các đệ tử ta nghe lời nói này rồi không hiểu ý ta bèn nói rằng: Đức Như lai nói Tỳ-kheo phạm giới trọng rồi mất giới Tỳ-kheo (đây là chấp không).

Này người Thiện nam! Ở trong kinh, ta vì Thuần-đà mà nói bốn hạng Tỳ-kheo:

- 1- Tất cánh chí đạo (Vô học).
- 2- Thị đạo (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả).
- 3- Thọ đạo (chung nội phạm ngoại phạm).
- 4- Ô-đạo (Bạc địa).

Phạm bốn giới trọng là Ô-đạo. Đệ tử ta nghe lời này rồi, không thể hiểu được ý ta, bèn nói rằng: Như lai nói các Tỳ-kheo phạm bốn tội trọng rồi, không mất giới cấm (đây là chấp có).

Trong Vấn kinh chỉ nói rằng không hiểu ý ta.

Ý của Đức Phật như thế nào?

Đáp: Còn không phải cảnh giới của Bồ-tát, Nhị thừa hưởng chỉ là phạm phu dốt nát. Nhưng, tuy khó suy lường cũng phải lược chỉ bày. Phải biết Đức Phật nói có thì nhất định có, không thì nhất định không, vì sao như vậy? Vì Đức Như lai nói thật thấy các nghiệp tánh thiện ác của chúng sinh, tùy nghi mà nói, như thật không lường dối (xưa vọng ghi ra ý Phật rằng: Thọ thể vẫn ở danh Tỳ-kheo, chỉ vì không có lực dụng như hạt giống rang, đây lại thành chấp có, sao gọi là ý Phật).

“Tập Tâm Giải”, kia chép rằng: Có thuyết nói phạm chúng tội ban đầu (chúng là thiên) gọi là xả luật nghi, ở đây thì không phải như vậy. Nếu xả luật nghi: Phạm tội căn bản, đã hoàn tục lẽ ra được xuất gia lại, vì đã xả luật nghi.

Lại nói rằng: Đối với biệt giải thoát luật nghi là Tỳ-kheo, đối với luật nghi vô lậu không phải là Tỳ-kheo.

Lại nói: Chỉ là phạm giới, không phải xả giới.

Hỏi: Đây lại chấp có lẽ ra thành tranh luận.

Đáp: Đối kia thì tranh luận, đối nay thì không tranh luận. Vì thế cho rằng tăng nuôi mèo, chó và trong phần tùy tướng nói nuôi tám thứ bất tịnh đều dứt mất giới. Người không thấy đây cho nên phần nhiều chậm suy nghĩ.

Kế trong phần đáp, trước y cứ vào tông để đáp. Đây tức giới đầu, văn giải rộng. Giới bốn cũng nói rằng sau phạm cũng vậy. Ở đây trở xuống chọn lựa phân biệt danh chủng. Phạm tội trọng có hai:

1- Tội đồng danh, nghĩa là bốn tội trọng xen nhau.

2- Tội đồng chủng, nghĩa là bốn giới đều luận.

Trên chung luật Thập Tụng, dưới hạn cuộc bốn tôn.

Văn y cứ bốn giới đều nói riêng về tội trọng, tức nói nghĩa đồng chủng của tông này. Hợp chứng có giới, phạm tội trọng nghĩa không lìa nhau, vì thế trong phần dẫn văn trước nêu ý của bốn tôn. Luật nghi tùy cảnh nên gọi là biệt thoát; đạo định tùy tâm tức là tổng thoát.

Như trở xuống dẫn luận Giải Thoát. Trước nêu văn. Thọ là nghĩ xa vì thế có thể phát chung; phạm là chạm cảnh nên chỉ là biệt phạm.

Đã trở xuống là giải thích. Trước nói phát chuẩn chung trong phần giải thích tướng. Luận kia chỉ y cứ về ba độc qua bảy chi. Ba là bảy, đây là nghĩa nay, đầy đủ như ở sau giải thích.

Trong văn nêu riêng chi dâm để nói, còn lại có thể nêu rõ. Cảnh dâm y cứ đạo nữ ba, nam hai, tâm dâm ba, độc ba, đơn ba phức một, đủ tùy duyên, khởi những câu hỏi.

- Do tâm trải qua cảnh cho nên phát ra nhiều giới, như văn đã nêu.

Nay trở xuống nói riêng phạm.

Hỏi: Dâm không phạm cho nên có trọng: Nếu lại dùng tâm tham đối trước người nữ hành dâm là tội trọng chăng?

Hỏi: Luật Thập Tụng không lập phạm trọng, đó là lấy luận kia để chứng tông nay phải không?

Hỏi: Không thể một lúc phạm hết các giới: Tội không học được đốn phạm chăng?

Như vậy hãy suy nghĩ những điều đó.

Trong phần nêu chứng có hai:

1- Y cứ vào sám hối tội trọng.

2- Hựu trở xuống: Hai giới đánh Tỳ-kheo và vu khống tội Tăng tàn trong chín mươi giới Ba-dật-đề, Đại tăng không lựa tịnh uế, nếu trở xuống phần chất đánh và vu khống ba chúng đều phạm Đột-cát-la.

Trong vấn nạn, hỏi có hai câu tức là hai nạn. Trong luật diệt và học hối đều không đủ số. Lại tên “đoạn đầu” hành pháp không dùng giống như thân chết. Nay nói rằng giới thể thanh tịnh sáng suốt không trái há chẳng phải là trái nhau ư? Vì thế phương tiện chỉ bày.

Trong phần đáp đủ số, trước y cứ sám hối nói đủ, tức lựa hai diệt không ở trong luận.

Như trở xuống là nêu chứng.

Luật Thập Tụng khai làm pháp Yết-ma thuyết giới, tự tự (không khai pháp khác) cũng cho phép trong chúng tụng luật đã cho bình pháp, thân đến dự vào trong tăng thanh tịnh, nghĩa đồng như đủ số vì thế nói là đúng lý.

Đản trở xuống y cứ về lỗi, nói không đủ.

Nói tình quá sâu: Nghĩa là phạm tội cực ác.

Không nhậm dụng nghĩa là thiếu đức nghiệp.

Cố trở xuống là dẫn chỉ bày.

Luật chép: Khi tăng thuyết giới và Yết-ma đến hay không tùy ý, vì thế biết tuy sám hối quyết không nhập vào số, chỉ vọng hai tấn, tài pháp mất hẳn. Không tham gia các việc cho là hơn mà thôi.

Trên nói là lý đủ, văn gồm hai ý:

1- Cứu người vô tri (không biết) nghĩa là mất lệ (nêu) phạm.

2- Cứu người phạm: Gồm lỗi không sám hối.

Vì thế, văn này phương tiện chỉ bày.

Hỏi: Có người nói: Tiểu thừa không sám hối tội trọng, đó là sám tịnh phải chăng?

Đáp: Tiểu thừa, Đại thừa đều nói sám hối tội trọng Tiểu thừa tuy

khai sám chỉ chướng ngục, nghiệp không thể trở lại như cũ, vì thế nói là không mà thôi.

Nếu như vậy, theo Đại thừa sám tịnh có thể dự số không?

Đáp: Hóa, chế khác nhau. Hóa là y cứ nghiệp đạo; chế thì trái giáo.

Dầu y theo kinh Phương Đẳng lý sự sám diệt, đối nay chế giáo không sám phải đui, sám thành học hối. Nếu hành chế sám dầu nghiệp không mất lại gọi là thanh tịnh. Phải biết hóa chế sám pháp khác nhau, người phần nhiều vọng thuật, vì thế sai lệch lời sớ. Còn bao nhiêu ở thiên sau.

Đáp: Nghĩa “đoạn đầu” như phần hỏi đáp ở sau.

Kế nạn nêu ra: Như các văn ở trước, đầy đủ y trong luật luận, muốn nêu bày có y cứ khuyên răn sách tấn đời sau, vì thế phát ra lời nói này.

Trong phần chánh đáp, câu đầu là chỉ cho trước.

Cách trở xuống là nêu sau.

Dưới dẫn luật Tăng-kỳ nói về học hối, hình tướng tất cả đồng như tăng.

Luật Thập Tụng nói: Xin Yết-ma rồi, Đức Phật đã kiết giới tất cả thọ hành.

Mẫu luận nói cho rằng hối pháp rồi gọi là thanh tịnh trì giới, vì thế nói thể đồng.

Trong phần khiển trách mê muội, văn đầu có ba:

1- Nêu lỗi, có liên quan một chút khiếm phục nên lại sợ.

Kinh Bách Dụ chép: “Có một người nuôi hai trăm năm mươi con trâu. Trong bầy trâu này có một con lớn nhất bị cạp vỏ ăn thịt. Người chủ kia nghĩ rằng: Bầy trâu mất một con không đủ số, nay ta dùng những con còn lại làm gì, bèn cùng một lúc giết hết bầy trâu”. Tỳ-kheo ngu si cũng như vậy, đã phạm một giới, các giới còn lại đều phá hết, có một chút phù hợp với ý này.

2- Từ khởi trở xuống là chánh khiển trách.

3- Yên trở xuống lại chỉ bày.

Hai câu trên nói đồng chủng tịnh. Đương trở xuống là nói đồng danh tịnh, vững chắc không động gọi là nghiêm nhiên. Hạ trở xuống nói dị danh, dị chủng tịnh.

Khoa kế, hai câu đầu dặn dò những lời dạy kia. Thọ tùy một v.v... nên gọi là đồng pháp. Nhược trở xuống là chánh khuyên. Trước chỉ bày trì hạnh. Nghiêm nghĩa là cẩn thận nhiếp thọ. Tịnh thức tức là tâm, năm

trần đều là cảnh, cái gọi là phương tiện chánh niệm thường để đối trị.

Than ôi! Đời mạt pháp chúng sinh trôi lăn, chìm đắm trong chốn tối tăm, từ lâu chưa thấy có người nhiếp chánh niệm, lìa nhiễm ô. Tự mình đời trước không huân tập nghiệp lành, mình sự dạy dỗ, bậc Sư trưởng khuyên cầu Thánh giáo. Sáng suốt lựa chọn bạn tốt, ý chí kính mến những bậc hành bố thanh cao, mỗi thời mỗi thời không biếng nhác, mỗi ngày mỗi ngày càng mới, hoặc thể đạt tiền trần, trở lại cầu dục bốn, hoặc rõ tâm sở thọ chuyên ý thông trì, vì thế đối cảnh vắng vẻ, gặp duyên vững chắc ngao du, sau mới âm thầm hiểu đó, kia dụ như hươ tay trong hư không, rõ không bị trì trệ, mặc áo giáp vào trận nào có sợ gì. Nhưng hoặc nghiệp chưa tiêu thì sinh tử đáng sợ, đâu chỉ ở lời nói tức là thanh thẳng. Ở cõi Dục mà lìa cảnh trần, bởi sợ chẳng phải chỗ ông có thể sánh kịp vì ở phàm học thánh, vả lại mà làm đó, chớ đối với việc mờ mịt mà phải nên tha thiết, nhân lời này mà suy nghị kỹ.

Nhược trở xuống là khuyên phạm thì phải sám hối. Hai câu trên nói thành phạm, ký trở xuống chỉ bày lợi ích của sự sám hối. Nhược trở xuống là nói sự tổn hại của việc không sám hối. Hoài tức che giấu trong tâm dụ cho che giấu tội lỗi. Thể không thanh tịnh thì không xứng đáng thọ nhận lợi dưỡng, vì che giấu tội lỗi hưởng thọ, vì thế nói là mạo. Tự mình gánh vác có thể biết.

Nói tha phụ: làm pháp thì việc trước không thành, thọ thí thì người thí cũng bị đọa, đâu không thương xót, mong muốn người kia sửa đổi, lòng đại từ bác ái đối với muôn vật không thiếu sót.

Tuy hạnh ác trở xuống cũng thêm khổ chỉ dẫn, ân của Tổ so lường không thể biết được.

Trong phần hỏi thứ ba này tức nạn về dụ đoạn đầu ở trước. Văn đáp trong luận, trước là y cứ về dụ để hiển bày. Bốn chỗ là: Óc, cổ họng, tim và bụng.

Do trở xuống chỉ bày ý không giai cấp, tức trong luật Tạp Tâm nói rằng không phải nghĩa thứ nhất của Tỳ-kheo.

Trong luật Thập Tụng trước nói quả báo của việc phạm giới, chánh dùng bốn tội trọng, do đó dẫn sự hủy báng.

Nhập A-tỳ nghĩa là sinh báo.

Như thị trở xuống là nói chương đọa.

Kiết tức các hoặc kiến hoặc, tư hoặc v.v...

Nói đọa ác: Giải thích thành kiết không cùng tận. Thời nay phần nhiều học tà đạo, chê bai Phật, khinh hủy giáo pháp. Vọng nói thô bỉ, tục tằn lại tự khoe khoang. Đâu biết rằng một khi khinh chê tôn dung

của Phật thì thường chìm đắm trong con đường tối tăm, một khi xem thường kinh điển của Phật thì đọa mãi trong rừng tà, lý nghiệp rõ ràng sao lại không tin?

Nhược trở xuống là hiển bày lợi ích của sự trì giới.

Trước là người trì. Đầu, bốn giới trọng phát sinh các giới nên gọi là căn bản.

Nhất trở xuống là chỉ bày công hạnh.

Tất cả là gồm sáu bốn việc.

Nãi trở xuống khuyên phải giữ vững.

Nói xả mạng tức đồng với bốn luật răn dạy tà chết.

Ba thừa y trụ: Hạnh bốn xuất thế (căn bản của hạnh xuất thế). Đọc văn này phải cung kính lời Phật, lời tha thiết, lý hiển bày rõ đủ làm quy cảnh, nguyện chuyên tụng trì tâm đầu để tự sách tấn mình.

Đối Ni, bốn giới sau như khác ấy: Tức thiên biệt hành nghĩa là tám việc như ma xúc, v.v... che giấu tội trọng tùy đó mà nêu tội. Người nữ yếu đuối nhẹ dạ phần nhiều dễ phạm, vì thế tội chi đều cũng lệ đồng với tội trọng mà chế.

Ba: Trong bộ khác, đầu nêu bộ để tính. Đồng trở xuống là chỉ bày khác. Đồng chủng phạm rồi mới làm, phạm Đột-cát-la cho nên không phải tội trọng.

Thử xuống là chọn lựa xen lạ. Thiên sau chủng loại không đồng, có hai:

1- Thượng hạ ngang nhau có tội trọng để hiểu, như văn đã dẫn học hối phạm Tăng tàn.

2- Tự sau hạn cuộc cũng có phạm tội trọng, như trong thiên khác nói rằng thiên sau tùy tội khinh, trọng ở đây.

Bốn: Nói phẩm số: Dẫn trong luận, câu đầu của khoa trước chép trong bốn luận. Trong luật tức chỉ cho chánh lượng bộ.

Giải trở xuống là sơ giải thích, trước chỉ bày phương ngôn không đồng tức như luật Tăng-kỳ, năm tự trong luật Tứ Phần cũng tương cận.

Nay trở xuống là giải thích nghĩa của bộ.

Trước nêu chung: Có, sau chỉ bày riêng.

Phương tiện, căn bản do đầy đủ hai nghĩa thì thành nhóm loại vì thế được tên bộ.

Trong phân biệt lệ (nêu riêng), trước nói mỗi giới tức chỉ cho bốn giới trọng, giải thích riêng bốn đoạn.

Trước, trong phần phương tiện nêu việc dâm dục để nói thứ lớp.

Nói khởi tâm; ở đây tức tâm phạm đồng như bốn phần này. Nhưng

không có phần chùng nên phải định phần trọng duyên và suy nghĩ lựa bỏ những chỗ không cần. Trên nói tâm phạm thì không gồm sắc. Kế từ phương tiện trở xuống đều nói sắc phạm, trở lại căn bản ở tâm, thân đồng miệng nói đều giải thích tướng.

Gọi chung Đột-cát-la: đều xem xét thứ lớp xa, danh đồng mà thể khác.

Trong phần phương tiện gần, trước chỉ tướng phạm, kỳ trở xuống giải thích nghi xúc chạm vốn là phạm Tăng tàn, nay kết tội Thâu-lan-giá vì thế phải thông để quyết nghi. Nhưng giới kỳ hẹn dâm dục thuộc về giới trọng nay trái lại là tội khinh. Đùa cợt (hý lạc) thuộc tội khinh sao trái lại là tội trọng. Khinh thì có quả để đến; trọng thì ngay thân này thành nghiệp, do đó mà khác.

Đối trước người sám hối: Nói tội Thâu-lan-giá không chia ra ba lần sám hối. Ở lời nói thông lạm như sau nói đầy đủ.

Trong phần ba, trước giải thích nghĩa thành tựu, do hậu quả vốn không thể đốn phạm, vì nương (nhờ) tướng kia mà thành.

Nhược căn bản trở xuống là giải thích nghĩa thuận theo, vừa đến quả tội cộng thành một thể, không có phương tiện khác, ở đây đồng với luật Tứ Phần, khác luật Thập Tụng và luật Tăng-kỳ.

Dư trở xuống là chỉ nêu ra.

Trong phần hội thông, trước dẫn ba văn: Luật Tứ Phần không thành không nói nhiều ít. Luận Minh Liễu, phẩm một không trọng và khinh. Chỉ có luật Thập Tụng rất có mạch lạc. Sơ dẫn văn đó, hai thiên một và hai đều có phương tiện gần xa (kia chỉ lập hai phương tiện). Vì chia ra ba giai cấp.

- Sơ thiên cận: Trọng giới sám trước tăng (thượng phẩm). Sơ thiên viễn.

- Hai thiên cận: Ngoài giới trước sám hối với bốn vị (đều là trung phẩm)

- Hai thiên viễn: sám hối với một người (hạ phẩm).

Y cứ trong trì, phạm ba tội theo luận Minh Liễu.

Viễn: Tội nặng, Đột-cát-la, đây là y cứ theo bốn tôn.

Kế là Cận: hai tội Thâu-lan-giá hoàn toàn y theo luật Thập Tụng. Song trở xuống hội đồng thứ lớp tội.

Trong luật Thập Tụng thì tội Thâu-lan-giá, Luận Minh Liễu thì tội trọng và Đột-cát-la, nay muốn dùng tội Thâu-lan-giá thế cho tội Đột-cát-la, lược chỉ khiến cho biết, còn bao nhiêu thì như ở sau.

Hễ định thể tội thì phải y cứ vào sám hối mà nói, Thâu-lan-giá y

cứ theo pháp, tuy đối tiểu chúng chánh xả lại đồng tội Đột-cát-la vì đối trước mười người diệt.

Thể chung kia đây tức chỉ cho hai văn.

Loại giải: Khiến so sánh hai tội.

Thứ hai: là tăng tội: Trong luật Thiện Kiến y cứ hành sám giải thích danh nghĩa, Tăng-già là thông suốt trước sau.

Trước tội tăng tàn là biệt, tức khi sám hối hai pháp trước sau, do trung gian nhiếp hợp gọi Tăng-già là chúng. Song đây thường gọi người là Tăng, vì thế các văn này dùng chữ Phạm hiển chữ Phạm không phải là dịch. Nói tùy theo cảnh: Cảnh tức chỗ đối trước người.

Danh nghĩa trong luận Bà-sa cùng luật Tứ Phần, Mẫu Luận phần nhiều giống nhau.

Ban đầu, giải thích riêng nghĩa tăng đồng như trước.

Chữ Tàn gọi là tội ngôn, phạm tội này ít có hạnh khác, cho nên có trở xuống là phải kết tội.

Luật Tứ Phần, trước chỉ đồng. Hựu trở xuống là chỉ khác.

Có dư cũng tức là nghĩa Tăng. Hành pháp đối trước (không có khác) vô dư được gọi là chúng pháp, nghi đây là viết lộn.

Cũng có thể hành chung chúng riêng, đây là y cứ chúng mà thực hành.

Trong Mẫu Luận, trước ghi tên. Như trở xuống là dùng thí dụ giải thích.

Ba câu trên dụ cho tội tàn. Lý trở xuống một câu là dụ cho Tăng. Đây là hướng về thiên đầu gọi là đoạn đầu vì không thể cứu. Vì thế, sau dẫn luật để giúp hiển bày.

Chữ cường dữ tức là sớm cứu, tội khác thì không được như vậy, theo kia tự sám hối.

Trong tăng ni, sáu điều khác là: Lộng xúc, hai thô, hai phòng. Bảy đồng là: Môi giới, hai phỉ báng, bốn can ngăn. Đây là y cứ về giới của tăng, đối giới của ni mà nói, nếu so giới của ni với giới của tăng thì có mười điều khác:

- 1- Nói người.
- 2- Bốn riêng lẻ .
- 3- Độ nữ tương cướp .
- 4- Giải cữ.
- 5- Thọ thức ăn của người nam có tâm nhiễm ô
- 6- Khuyên thọ.
- 7- Che giấu cho nhau, trái lời can ngăn.

8- Khuyên cùng ở với người ác, trái lời can ngăn.

9- Vì một chút tức giận mà đòi bỏ chánh pháp, trái lời can ngăn.

10- Ưa tranh tụng chê bai tăng, trái lời can ngăn. (Tìm giới bốn của ni để đối chiếu).

Sau chỉ rộng, tức thiên biệt hành.

Trong số tội, dẫn luận.

Năm mươi hai tội: Mười ba căn bản mỗi căn bản đều có ba phương tiện. Đột-cát-la là viễn, hạ Thâu-lan-giá (Thâu-lan-giá phẩm hạ) là thứ. Trung Thâu-lan-giá (Thâu-lan-giá phẩm trung) là cận.

Trong phần sơ giải, khoa đầu có ba nghĩa:

1- Tăng tàn.

2- Cứu.

3- Thắng.

Luật Bà-sa chỉ có giải thích nghĩa thứ nhất, vì thế nói một nghĩa đồng.

Khoa kế giải thích rằng: Sơ dẫn kia để giải thích.

Trước giải thích Tăng-già, hai câu trên là nêu bày.

Do trở xuống là lựa chọn khác. Giới kiến thì sự hòa, định tuệ thì lý hòa. Nay chỉ lấy sự, không lấy lý. Vì thế trong văn phần nhiều chữ bất ở trên gồm để xem xét lại bốn xưa.

Phục đối trở xuống giải thích viết lầm không nghi (lời ký xưa không biết tỳ văn giải lầm).

Phật trở xuống giải thích riêng rất dễ hiểu.

Kế nói Tăng-già Bà-thi-sa chính là y cứ vào chỗ được lợi dưỡng, để giải thích nghĩa Tăng tàn. Ở đây tức câu sám hành trụ diệt: Nếu phạm không sám hối thì không đồng lợi tăng. Sau giải thích hai tên ấy: Dùng nghĩa Tăng-già gồm chung ba pháp.

Ba-lợi-bà-sa, Hán dịch là Biệt trụ. Văn tuy không nêu nghĩa, đã thấy ở văn trên. Vì thế chỉ nêu hai pháp tức sáu đê xuất tội.

Dẫn trong bộ Chánh Lượng, ý chỉ đồng mà giải thích khác. Tìm xem văn có thể thầy.

* Ba: Tụ Thâu-lan-giá trong bộ Thiện Kiến, trước dịch tên.

Chướng thiện đạo tức lực dụng của tội.

Sau phiên dịch lỗi của tội ác là đương thể của tội.

Hậu trở xuống là giải thích nghĩa. Ác có công năng chướng thiện, từ nghiệp mà có tên (xưa chép rằng: Điều đạt phá tăng khiến cho Pháp luân không chuyển gọi là chướng thiện: Một là mê mờ văn tướng, hai là thành ra nhỏ hẹp).

Tùng trở xuống là nêu lý do.

Hựu trở xuống nêu tên khác.

Bộ Thịnh luận chỉ nêu tên tiếng Phạm mà không dịch vì giống với trên.

Trong kinh Ba-ly Vấn chép: Thổ-la-già là tiếng ở vùng biên giới, xưa ghi luận kia gọi đủ là: Tát-thâu-lan-kỳ tăng, Hán dịch là tội thô, chưa thấy trong luận này, không biết xuất xứ từ đâu.

Trong luận Minh Liễu, trước gồm dịch tên, kế giải thích riêng. Đầu tiên là giải thích nghĩa.

Trọng phương tiện: Giống như luật Thiện Kiến ở trên.

Dứt gốc lành nghĩa là thành nghịch.

Kế giải thích nghĩa lỗi: Trước y cứ vào pháp để giải thích.

Như trở xuống dùng dụ để hiển bày viện, nghĩa là viện hộ, tức rào chung quanh.

Nhiên trở xuống là chọn chung riêng.

Câu trên chỉ chung, do các tội khác đều không y theo giới của Phật nên nói là chung.

Thử trở xuống là nói hạn cuộc.

Hỏi: Thiên một và hai tội Đột-cát-la, đầu tiên sao lại suy ra Thâu-lan-giá?

Đáp: Nếu ba phương tiện thứ lớp thành nhau thì Đột-cát-la sẽ thành Thâu-lan-giá, Thâu-lan-giá mới thành tội trọng. Vì thế, Thâu-lan-giá là đầu tiên.

Lại Đột-cát-la chung cho các tụ, Thâu-lan-giá thì hạn cuộc hai thiên, bỏ thông lấy hạn cuộc, vì thế nói là đầu tiên.

Trong phần trước sau, ở đầu nêu là tội thông, v.v... nghĩa là chỉ tạo tướng. Trong luật nêu thượng hạ là nói bất định, vả lại đó là lời giúp thêm.

Trong phần giải thích riêng, khoa đầu trong phần chánh nói: Thông y cứ vào thiên tụ đại khái chia làm hai.

Thiên một, hai tướng lỗi thô trọng nhiều, vì đây là dứt lia nên gọi là giới phần.

Tội Ba-dật-đề về sau phần nhiều chế y và thuốc. Thân khẩu trái nghịch gọi là phần oai nghi. Y cứ vào hai phần này để giải thích nêu thứ lớp. Đầu tiên là nói trước nêu.

Nói phương tiện xa gần, thuận với luật Thập Tụng mà nói hai tội. Y cứ chỗ lập viên ở trước nên nói là Thứ. Thiên một có đủ hai, thiên kế chỉ có cận. Viên ở sau thân.

Độc đầu là danh của quả tội lựa từ từng sinh, hoặc trở xuống nói ở sau.

Khỏa thân dùng tóc đều đồng với ngoại đạo, đều chế phạm Thân-lan-giá. (Trang 257) Trong phần giải thích giới nghi, hai câu đầu gồm nêu, thông trở xuống là giải thích riêng.

Trước giải thích chung tức trọng luật, duyên khởi của mỗi giới Đức Phật đều quả trách rằng:

“Việc làm của thầy là sai, không đúng là nghi”.

Lại nói: Đây là người ngu si, nhiều thứ hữu lậu, đầu tiên phạm giới. Mỗi giới đều nói như vậy, vì thế phải biết tất cả đều gồm có hai tên. Do điều lành trên, giới trọng cũng là trái oai nghi, vì tụ sau nói oai nghi không đâu chẳng phải là cấm điều ác.

Nhược trở xuống là giải thích riêng, như trên đã chia chánh từ nơi biệt. Trong phần đồng tạp (quân tạp) chỉ nói ở ý sau. Trước là chia trước sau; nhiên trở xuống chỉ bày thứ lớp.

Hỏi: Tuy chung thượng hạ, chỉ nêu ra một tên, tức lẽ ra trước không thâm nhẹ, sau không nhiếp nặng?

Đáp: Tùy nêu trước sau đều thâm ba phẩm, nhưng trước sau nặng nhẹ đều quy về. Ở sau kinh thượng hạ đều nhiếp.

Hỏi: Dưới nói năm thiên nghĩa đủ ba quân, nay nói nói bốn quân?

Đáp: y theo lời số trong giới nói, vả lại lấy quả tội Đột-cát-la để ứng với số năm thiên năm phạm. Xét về lý mà nói thì Đột-cát-la phải ở vào phần tạp, vì thế chỉ có bốn mà thôi.

Hỏi: Độc đầu Thân-lan-giá có phương tiện hay không?

Đáp: Văn tuy không nói rõ nghĩa nhưng đồng tụ sau lập hai phương tiện.

* Bốn: Ba-dật-đề. Trong phần dịch tên: Thiêu chữ là hình phạt dữ dội. Phú chương là tướng của chỗ ở chính là tên chung của địa ngục. Hoặc có thể thiêu chữ thâm tám ngục nóng, chú chương gồm tám ngục lạnh. Y theo sau rõ địa ngục Đại Khiếu Hoán, bộ Tâm luận nói địa ngục Chúng Hợp. Một ngày một đêm chỗ nêu ra khác nhau mà thôi.

Khoa kế, trước chỉ số chung, phân trở xuống nói ly, hợp. Trước y cứ vào sự để nói ly, vì tài nên có tham, trái với lời dạy nên nói khinh mạn. Nhược trở xuống là y cứ tội để nói hợp.

Trong phần tăng ni, trước là nêu số.

Ba mươi là nói ba mươi pháp xả đọa, tăng ni hoàn toàn giống nhau.

Dư trở xuống là chỉ cho pháp Đơn đọa (Ba-dật-đề) có pháp giống, có pháp khác. Ni gồm có một trăm bảy mươi tám pháp Ba-dật-đề; tăng có chín mươi pháp Ba-dật-đề. Trong chín mươi pháp (giới) của tăng so sánh nhau thì tăng, ni cùng có bảy mươi bốn pháp (giới), Ni không có mười sáu giới:

- Giáo thọ ni sau mặt trời lặn.
- Giáo thọ ni vì lợi dưỡng.
- May y cho Tỳ-kheo-ni
- Cho y Tỳ-kheo-ni.
- Ngồi với Tỳ-kheo-ni ở chỗ trống.
- Hẹn đi chung đường với Tỳ-kheo-ni.
- Hẹn đi chung thuyền với Tỳ-kheo-ni.
- Đi chung đường với Tỳ-kheo-ni.
- Ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni khuyến hóa.
- Xin thức ăn ngon.
- Làm ống đựng kim bằng nanh sừng
- Làm hư y Phật, v.v...

Một trăm lẻ bốn giới còn lại của ni có nêu đầy đủ trong giới Tỳ-kheo-ni, vì danh số nhiều không thể dẫn đủ, nếu cần thì tìm xem.

Nói chỉ như biệt: Giống như phần giải thích tướng, riêng ở trong thiên của ni, lại trong nghĩa sao giới số có lựa chọn đủ.

Trong phần dịch riêng, trước dẫn chỗ thiết yếu của luật nghi. Riêng dịch Ni-tát-kỳ là đọa ấy là vì cả hai đều ghi. Đọa tên giống như trên, vì tự có thể hiểu (xưa chép: Trên lược bỏ chữ Dật-đề là sai).

Bộ Thỉnh luận nói đều xả, y cứ phần sám pháp ở sau, xả có ba trường hợp:

- Một: Xả tài.
- Hai: Xả tâm.
- Ba: Xả tội.

Nghĩa tuy chung ba tên nhưng chuyên về việc tài, chứa vật dư lâu ngày có sót không thành sám xả, vì thế nói (xả hết).

Sau nói về: Ba-dật-đề, là tiếng Phạm, danh nghĩa giống như trên nên không giải thích lại.

Trong phần năm cũng có ba:

- 1- Chỉ bày số chung.
- 2- Dịch danh nghĩa.
- 3- Dẫn chỗ dịch khác nhau của ba bộ luật.

Bộ chánh lượng có ba nghĩa cùng giải thích một tên.

1- Y cứ phồn tế (phức tạp và vi tế).

Số một trăm hai mươi là quá các thiên, cho nên gọi là tội nhiều. Thể đủ oai nghi nên nói là khinh tế.

2- Y cứ vào tham lạm, chế tức là già, khác hai thiên trên chỉ trừ giới môi giới, phòng, còn lại đều là tánh tội, trở về sau các thiên đều là ngăn tội.

3- Y cứ về số phạm.

Từ hai nghĩa trước để thành nghĩa thứ ba, vì thế kết danh ở sau, tức Phật chế công dụng không ngoài giải hạnh.

Hỏi: Ở đây cùng với chúng học đặt tên có gì khác nhau?

Đáp: Đây đủ ba nghĩa, trị bệnh rất khó, vì thế cầu công dụng. Đột-cát-la không phải là tánh nghiệp, chế hạnh cũng nhẹ, chỉ nói là nên học.

Kế dẫn trong luận Bà-sa và Chánh Lượng bộ ở trước lời có chút khác nhau, nghĩa đồng với một ở sau, hai bộ trước đều có thể trị hạnh làm tên. Sau, Thượng tọa bộ tức từ thể của nghiệp bất thiện làm danh mục, tức đồng với nghĩa đọa. Nghiệp này làm ô nhiễm tâm thiện thanh tịnh, vì thế trong nhân như đốt cháy. Lại có thể chuyển biến ngục báo lửa cháy mạnh (ngục Viêm Xí), vì thế quả báo phải chịu sự thiêu đốt nóng bức.

Ba: Từ dẫn trở xuống là nói phương tiện tội.

Nói: Chỉ hai tội là chỉ bày tội trọng và tội khinh vì có sai hàng.

* Năm: Trong phần dịch tên ĐỀ-xá-ni, trước là nêu tên.

Nói hướng về người kia tức người đối thú, vì thế nói là cảnh đối trị. Kế, là dẫn chứng, bộ Tăng-kỳ thì được nghĩa sám ở trên không kèm chỗ đối, trong giới bốn nói đủ, tức nói rằng nên hướng về vị Tỳ-kheo khác sám hối, v.v... là ở đây. Khoa kế, ni có tám: Tức không bệnh xin sữa, xin dầu, xin mật, xin đường phèn, xin sữa tươi, xin sữa lạt, xin cá, xin thịt, đối với tám vật này mà chế tám giới.

Trong phần nếu số, bốn giới đều có hai phương tiện, vì thế có mười hai.

Đều đối tức đối với người không phải chúng.

* Sáu: Đột-cát-la. Khoa đầu, trước dịch tên trong luật nói ác tác là thân chung thân và miệng. Bốn phần trở xuống là dịch tên trong giới bốn.

Đầu là dịch tên có hai:

1- Bộ Thiện Kiến chép: Thức-xoa dịch là học.

2- Bộ Ca-la-ni chép: Ứng đương.

Nay trở lại lời nói kia thì thuận với ngôn ngữ ở đây.

Hồ tăng tức Tổ sư đích thân thừa đương, không phải chỗ xuất xứ.

Lời sơ chép: Nếu tùy theo chỗ ngăn ngừa, lẽ ra gọi là chúng Đột-cát-la, nay có thể trị hạnh nên đặt tên gọi.

Thử trở xuống, cả hai đều giải thích.

Bộ Đa luận hỏi: Vì sao thiên này gọi riêng là Ứng đương học nên học?

Đáp: Các giới khác dễ giữ, như tội trọng đã phạm sám hối là khó, còn giới này khó giữ mà dễ phạm, thường phải nhớ học. Vì thế, từ Thập Tụng trở xuống là kết hiển. Văn nêu: mưa mau là dụ cho tội kia phạm rất nhiều, ý nói giữ đó không dễ.

Há trở xuống hai câu đều kết hai tên. Chuyên quen ở trong tâm tức là nghĩa học.

Trong tăng ni, danh số các bộ không giống nhau.

Luật Tăng-kỳ có sáu mươi sáu.

Luật Thập Tụng có một trăm lẻ bảy.

Luật Ngũ Phần số đồng mà tướng khác, vì thế nêu luật này để lựa chọn.

Trong giới bốn của ni không nêu chúng học chỉ lược vì giống như luật của tăng.

Trong phần ba, luật văn trước sau nêu bảy tụ gọi là thứ sáu hoặc khác, chính là Hoa Phạm đều xen nêu mà thôi.

Sau chỉ rộng, lời sơ trong giới chép: Ác tác, ác thuyết nêu đầy đủ số mục, vì thế trong Mẫu luận chép: Thân gọi là ác tác, miệng gọi là ác thuyết. Tác nghĩa là trường, gọi chung thân miệng, vì thế văn sau thân không nói thân hay miệng đều là Đột-cát-la, như trong luật Thiện Kiến giải thích ác tác này (số văn). Cho nên phải biết Đột-cát-la ở sáu tụ gồm thân miệng, trong bảy tụ chỉ hạn cuộc thân. Lại trong bảy tụ, ác tác danh chung mà thể thì hạn cuộc, ác thuyết danh và thể đều hạn cuộc.

Đoạn bốn của khoa thứ tư đều nói rõ trong văn sơ, phần đầu lại có hai: Một là nêu số lượng, hai từ thử trở xuống là dịch tên. Trong phần một, trước y cứ về bốn bộ, chỉ chọn phương tiện thiên trước đều tùy theo bốn thiên, còn lại chính là không giới hạn nhiều ít. Gồm sáu thứ năm nên nói rằng không phải bốn bộ, v.v...

“Học đối” tức đồng với tông này nói là “nên học”.

Cập trở xuống là nhiếp chung các bộ.

Bà-tẩu nói Đẩu, Hán dịch là phẩm loại.

Sau nói giới có hai trăm giới, phần nhiều nói giới khinh, “Độc kha

Đa” tức “Đột-cát-la”, chỉ do Phạm âm khác mà thôi.

Tất cả nghĩa là hiển bày bộ này không hạn lượng. Vì thế, kể trong phần dịch tên. Chánh Lượng Bộ cuối cùng (mạt) tức ý căn bản đồng quy, vì thế nói là không phân biệt thân và miệng. Từ gốc đến ngọn sắc thính xao động đều do ý khởi, vì thế nghĩa là ác tác.

Bộ Tát-bà-đa, tông kia luận rằng nghiệp không nói do tâm tạo, thân miệng tuy khác nhưng đều kích động, vì thế gọi chung là tác.

Hai câu dưới lựa chia đồng.

1- Tên ấy, đều gọi là ác tác, vì thế nghĩa hai thứ khác: Vì tâm sắc đều tịnh riêng.

2- Trước phân tên: Thế âm là tục ngữ kia, hiển tức xoa ở trước, đây chính là âm Phạm.

Nhược trở xuống là phân thể.

Không động thân miệng: Hiển rõ đây là ý phạm. Kia chỉ y cứ ba nghiệp để chia làm hai thể.

Thử trở xuống là thẳng mậu, ngài Chân Đế vốn là vị tăng ở phương Tây được thính thật kia, vì thế thẳng ở xứ này truyền dịch là sai. Nhưng thuận với văn kia, chia làm hai. Nay đặc biệt khác, cũng cần lược biết.

1- Danh thông: bất luận tội khinh hay trọng, hễ từ biên lỗi đều là Đột-cát-la. nếu hưởng đến hành biên đều nên học.

2- Thể khác: bất luận ba nghiệp, cố tâm đều phạm tội nặng, lầm đều phạm tội nhẹ.

3- Trước nói Đột-cát-la nhẹ, nghĩa là độc đầu tâm niệm như muốn được bất mới thâm khởi ác lại thất niệm. Như các thiên phương tiện xa thì bất luận có không sau từ nhược trở xuống nói Đột-cát-la nặng. Hai phương tiện tức nghĩa thành tự, cũng y cứ về khởi tâm động sắc để nói thứ lớp. Vì bốn tội đồng ở dưới không có tự khác nên nói tùy diệt tức là nghĩa thuận theo.

4- Trước nói sám hối Đột-cát-la nặng, tuy là đối thú nhưng trở lại tự trách mình, vì trách tâm là nói chung các pháp sám hối. Pháp sám như ở phần sau, nên ở đây không nêu ra.

Kể trong phần sám tội nhẹ, do dẫn pháp sám về thiên sau không nêu ra nên ở đây chỉ thông.

Trong phần kết lược, khoa đầu trước chỉ số chung, thượng trở xuống là kết trước; dư trở xuống là nêu sau.

Trong hai pháp bất định, trước nêu bày chỗ nghi. Nói nương cảnh tức là đối trước người nữ.

Sáu tự: Ba tội, hai tội trong giới bốn nghĩa là; dâm, xúc, nói lời

khen ngợi, ngồi ở chỗ trống.

Lan kết tức phương tiện ĐỀ-xá ở chốn Lan-nhã thọ ăn.

Nhược trở xuống nói bốn phạm.

Văn sau giải quyết nghi ngờ.

Do trong giới bốn không đủ sáu tụ cho nên lược nêu chung. Sau chỉ rộng tức như lời sơ trong giới, lược chỉ bày.

Nói chế ý: Như lai lập giáo chuyên để nhiếp tu, không xem xét nhau, không tự gắng sức, tùy lời nói nêu phát để còn tương lợi, do đó nêu thiên thứ ba: Đã chung sáu tụ. Trên thấu giới phần, dưới nhiếp oai nghi. Văn nghĩa tiện cho nên giải thích danh nghĩa: Hai là hai chỗ: Chỗ có che khuất và chỗ trống, đối với chỗ phạm, sự không quyết định vì thế gọi là bất định.

Nói tội thể: Giới này tội thể chỉ thủ sinh nghi phạm Đột-cát-la. Văn nói nên mỗi việc trị, tự y theo thiên tụ mà thôi. Tăng có ni không, tức không đồng giới.

Trong bảy pháp diệt tránh, trước chỉ chỗ tranh cãi. Tội chung có:

- Một hiện tiền Tỳ-ni: Do nhóm Tỳ-kheo sáu vị vu khống Ca-lưu phạm giới dâm.

- Hai: Úc niệm Tỳ-ni: Do Từ Địa vu khống Đạp-bà phạm giới dâm.

- Ba: Bất si tỳ-ni: Do Nan-đề tức giận nhiều phạm giới chúng học.

- Bốn: Tự ngôn trị: Do Tỳ-kheo giới trộm, bọ ngài Mục-kiền-liên kéo ra.

- Năm: Đa nhân ngữ: Do đấu tranh phá tăng.

- Sáu: Tội xứ sở: Nhân Tượng Lực nói dối.

- Bảy: Cỏ phủ đất: Vì các Tỳ-kheo cùng đấu tranh qua nhiều năm phạm các tội.

Nên biết chỗ đoạn cũng gồm sáu tụ, vì thế nói có chung. Nay trong giới bốn chỉ cho chế năng dứt.

Dụng pháp: Đều là tội Đột-cát-la.

Hỏi: Đã chung sáu tụ vì sao lại nêu sau cùng?

Đáp: Không đồng, không định, việc khởi một người.

Đây là phạm Tạt sinh, vì thế nêu ở sau, tổng kết thiên trước.

Đản trở xuống là nói chế ý.

Bốn tránh là bệnh, bảy diệt là thuốc.

Sấn tức là diệt, nay y theo nghĩa sao, lược biết danh số:

1- Nói pháp này bất định, lý tà hay chánh, đây kia tranh cãi bèn

thành trái khác, vì thế gọi là tranh để dứt trừ hai pháp hiện tiền và đa nhân ngữ.

2- Trong có ba căn, tìm xem tội trước, nêu tội đến Tăng bèn sinh ra sự tranh cãi kia, vì thế gọi là mịch, để dứt bốn pháp diệt tránh là hiện tiền, ức niệm, bất si và tội xứ sở.

3- Đủ duyên tạo cảnh làm các việc trái với lời dạy gọi đó là phạm. Do bình luận tội phạm này mà xảy ra chuyện phân vân gọi là phạm tránh, để diệt ba pháp diệt tránh là hiện tiền, tự nói trị và cỏ phủ đất.

4- Bình luận kia đã khởi Yết-ma, kia đây không hòa bèn sinh sự tranh cãi đó, nên gọi là sự tránh, để diệt tất cả pháp diệt tránh (trong phần nói Mịch phạm đều có sự tranh, trở lại đồng như ba pháp trên. Dùng thuộc trị bệnh nên nói là tất cả).

Văn sau chỉ bày lược.

Nghĩa sao giới số, văn kia rất rộng, nhưng sau chỉ bày ni gồm nói về luận tám thiên.

1- Ba-la-di, Tăng tàn, Đơn đọa, Ba-la-đề Đề-xá-ni nhiều ít có khác.

2- Bất định có không khác.

3- Xả đọa, Chúng học, Diệt tránh, kia đây đều đồng nhau. Vì thế nói là giới chung.

Trong phần hỏi đáp, trước hỏi có hai:

1- Hỏi năm và bảy lia hợp.

2- Từ nay trở xuống hỏi sáu và bảy lia hợp.

Trước nói rằng y cứ về nghĩa thì phân chia ra, nên nay hỏi hiển bày. Trong phần đáp, văn đầu, trước nêu năm thiên.

Hỏi: Tên thiên rút ra từ luật Tăng-kỳ mà trong phần hiển bày nêu rằng thiên chính là từ tông khác, không quan hệ với bốn là sao?

Đáp: Năm: Pháp vốn đồng mà đặt tên có khác. Nay mượn tên kia để nêu bốn bộ, hướng chi thiên và tự nghĩa chung, tùy dụng không ngại.

Kỳ trở xuống là nói về Tụ.

Văn sau tức trong các kiên-độ hoặc sáu hoặc bảy, trong đó nêu không nhất định.

Trong phần giải thích riêng, khoa trước rất dễ hiểu.

Trong phần nhập năm: luật Tăng-kỳ, luật Tứ Phần thiên và tự tên khác. Xưa phần nhiều nghiêng chấp, nay chỉ nói năm là không có chỗ hạn cuộc.

Sau cũng được nói rằng nhập chung vào bảy nhiếp, mà nói Tụ là

thuận với tông này.

Khoa kế, sáu y cứ thể đồng nghĩa là trước nói chánh kết tội, khoa chỉ có sáu pháp.

Câu bảy ước quá nhiều, nghĩa là Đột-cát-la tội chúng lượng bằng Hằng sa, tùy đủ có hai phần vì đơn giản có thể biết.

Kế, trong phần hỏi còn sợ người mới học mê mờ danh số kia nên phương tiện nêu bày, thật là lòng từ sâu xa.

Sau chỉ giới số, vẫn thấy phần thứ nhất.

Kia hỏi rằng: Đột-cát-la đã chung phương tiện, vì sao lại ở trong thiên?

Đáp: Chọn rất ráo: Để nhập vào trong thiên.

Phương tiện khác: Nhập tụ sở nhiếp.

Hỏi: Thâu-lan-giá đều chọn từng sinh. Thủ rất ráo là dùng để nhập thiên phải không?

Đáp: Khác nhau. Thâu-lan-giá rất ráo hoặc đồng, hoặc tạp, hoặc trước, hoặc sau, khó tịnh tội kia. Đại khái chia làm ba, sám đồng tùy theo vị nên nhập tụ, thâu, v.v...

Sau, trong phần hỏi nói năm trăm, vẫn khác nêu ra không đồng với luật, vì thế hỏi để xét.

Trong phần đáp, vẫn đầu có hai:

1- Nêu số không nhất định, ước tức là lược.

Nói chung tức là hai số tăng, ni.

2- Từ luật trở xuống hiển bày lý do lược.

Trước nói chung thể lược.

Kế từ tả trở xuống là nêu riêng hai số.

1- Nói giới của tăng, hệ kính là con đường nhỏ.

2- Từ luật trở xuống là nói giới của ni.

Giới là năng phòng; lỗi là sở phòng. Giới thì thông, lỗi thì riêng. Từ riêng mà nói nên gọi là sở phòng.

Kế, trong phần giải thích chung, nói rằng: Lược thì tám mươi bốn ngàn, rộng thì vô lượng vô biên. Nay đối với năm trăm ở trước, lại dùng tám muôn là rộng.

Vọng trở xuống là nói vô lượng lại thành lược mà thôi. Đã không có số lượng, thì biết năm trăm chẳng phải luống dối.

Hai, trong phần phạm báo, trước nói khởi nghiệp: Muốn rõ quả khổ phải xét nghiệp nhân, hướng chi tạo nghiệp có muôn ngàn sai khác, làm sao có thể dùng một đề suy lường.

Như trở xuống dẫn kinh; đọa địa ngục năm này kiếp nọ, lại y cứ

chỗ chế tội, thường phân chia cho. Có trường hợp phạm tội khinh mà quả báo nặng, không ngại phạm tội nặng mà quả báo nhẹ, phải suy đó có thể tạo ra chỗ khởi khác nhau, thiện ác báo ứng mảy may không mê muội. Đó phải biết hai giáo hóa và chế biện nghiệp.

Chế thì từ giáo nặng nhẹ; hóa thì nói tâm sâu cạn. Giáo chỉ định duyên đầy đủ thì xếp vào khoa hình (phạt); tâm không thường phát động thì phải chia ra thể tánh. Nhân quả đã khác, hóa và chế phân đây ắt mê mờ, tông đồ chưa cùng tội nghiệp bốn, vì thế, khoa trước chọn phương tiện chỉ bày.

Văn đầu tiên, trước nêu nghiệp bốn. Nghiệp không có tự tánh phải nhờ duyên mới sinh. Duyên tùy nhiều mà không ngoài tâm và cảnh. Do cảnh phát ra độc, cấu tạo thành nghiệp. Cảnh là chủ duyên bên ngoài; còn độc phát ra từ bên trong, vì thế nói khởi nghiệp thì suy ra ba độc. Độc từ ngã sinh, ngã tức vọng chấp, tức vọng chấp này tức là cội gốc của nghiệp, vì thế nói là vọng nghiệp.

Kinh chép: Tất cả biển nghiệp chướng đều từ vọng tưởng sinh, tìm cầu gốc của vọng rốt ráo không có chỗ nương tựa, chỉ là nhất tâm tùy nghiệp bất giác, vì bất giác cho nên hẹp hòi chấp ngã. Từ ngã khởi độc, nhân độc sinh nghiệp, nghiệp thành thì cảm quả, quả hoàn toàn là khổ, khổ là sinh tử, trôi lăn ra vào tạo nghiệp thọ báo làm tư lương, như vậy ước kiếp đâu biết chỗ dừng. Từ gốc đến ngọn (từ đầu đến cuối) y cứ quả mà suy ra nhân, biết được chút ít nguồn vọng. Biết được gốc khổ, các bậc Hiền xem xét đây, há không tự suy nghĩ thương xót. Thử trở xuống là chỉ rộng lớn, xin tìm xem, sẽ dẫn ở thiên sau.

Nay trở xuống chính nêu bày tội nặng và tội nhẹ lại có hai:

(1) Chỉ bày giới hạn của quả báo phạm tội.

Hai câu trên nói phạm từ tâm khởi, chỉ nhân khác nhau.

Hai câu dưới nói quả báo y cứ vào phần tâm chỉ bày quả khác.

Ba tánh: Tánh tức là tâm thể. Tâm tuy có muôn hình dáng nhưng nói về thể chỉ có ba: Một là vô ký, hai là hữu ký, nhưng cứ theo tâm thiện ứng thọ phước báo, do tâm ngu si tổn cảnh nghĩa một. Nghiệp tạo chế giáo cả hai đều có phạm. Hễ nghiệp có ít thì khinh lại y theo giáo. Ý nghiệp là chủ năng tạo, gồm ba tánh trên, hễ tánh căn cứ theo nghiệp mới bất định khởi lấy nghĩa đã thành.

(2) Từ cố trở xuống: Dẫn văn để hiển bày tướng.

Hai câu trên là chỉ bày chung. Có trở xuống là giải thích riêng. Trước nói chế nhẹ nghiệp nặng có ba:

1- Nêu.

2- Từ vô trở xuống nêu tướng có bốn: Hai câu đầu không có tâm hổ thẹn, không sợ nạn: Giải thích tướng không hổ thẹn. Hai câu kế là nói tâm tà kiến. Hoặc trở xuống bốn câu là tâm không tin, không tin có hai: Một là không tin Thánh giáo (lời dạy của Phật), hai là không tin quả báo. Hoặc nghi trở xuống năm câu là nói tâm nghi hoặc, đồng hai món trên.

3- Hoặc do trở xuống là kết thúc chỉ bày.

Từ kế nhược bất trở xuống là chế nặng nghiệp nhẹ. Trái với bốn tâm trên, rất dễ hiểu.

Kế chỉ bày tướng.

Trong phần nêu nói ba tướng tức là tướng chung của tâm.

Nặng nhẹ, thiên tụ không nêu ba món này. Đốt cảnh tạo tác tùy việc trước khác nhau. Lại tâm bất thiện có thể chung tất cả. Tâm thiện và vô úy hoặc chung cho có, không. Như dâm vọng lậu thất, mỗi giới thô hủy thuộc hai loại thô, hãy suy nghĩ đó.

Trước nói tâm lành: Tuy không phải thô ác nhưng là vô tri, kết nghiệp chính là khinh, trái chế chẳng khác.

Trong phần nói riêng, văn đầu, trước nói tâm phạm tội trộm cắp. Hoặc trở xuống là nói từ tâm phạm tội sát sinh, đều thấy ở giới sau.

Bất dĩ trở xuống là chỉ lý do phạm.

Tức trở xuống là dẫn chứng.

Tàn trở xuống là nói các tụ đều thêm phần ngu si, vì thế nói rằng cho đến, v.v...

Khoa kế, trước nói quả báo phạm tội.

Do trở xuống là giải thích quả báo nhẹ.

Hai câu trên là nói bốn nghiệp.

Hai câu dưới là nói trái chế.

Trong nặng nhẹ có hai:

1- Nói tánh giới đều phạm.

2- Từ nhược trở xuống nói ngăn giới riêng phạm, có ba:

- Đầu là chánh nói.

- Dĩ trở xuống là giải thích lý do.

- Nhược trở xuống là nêu sám tịnh.

Trên là sám ngăn. Bất trở xuống là chọn sám tánh thiên tụ tuy sám mà nghiệp đạo không mất.

Chỉ luận Trí Độ: Như thiên sám ở sau.

Luận ấy chép: Thập thiện tuy sám mà ba đường ác không dứt v.v....

Kế, là tâm bất thiện nghĩa là do ba độc tham sân, si sinh khởi, vì đơn phức đẳng phân kích phát bảy chi.

Trong phần chánh nói lại có hai:

Trước là nêu bày chung. Hai câu trên là nêu riêng người phạm, vì học và bất học. Hai câu sau gồm nói tâm tướng. Như trở xuống là dẫn chỉ bày. Trong phần bốn ở trước là tướng chung vì nhiếp tất cả. Trước nặng có hiển, vả lại y cứ ba thời không hối gọi là tâm thượng phẩm. Ba sau là tướng riêng vì khai tâm si. Hai là tâm tà kiến. Ba là tâm buông lung. Bốn là tâm kiêu mạn. Cố trở xuống hai câu là gồm nêu bày nghiệp báo. Dĩ trở xuống là lời sao kết chỉ bày, không hổ không thẹn tức là hai tâm bất thiện trước sau. Gồm bốn món trước, mỗi mỗi tướng kèm nhau.

Sơ vô: Lời ký xưa chép: Sơ giống như đều, tuy không nêu chữ, sách mượn lời dạy để hiển nghĩa theo xưa không ngại.

Trong phần dẫn tông, trước dẫn thành luận chứng minh rằng nghiệp tùy theo tâm nặng, y theo chế thì con kiến là nhẹ, cõi người là nặng vì thiên tự đã định, nếu y cứ về nghiệp thì con kiến nặng, cõi người nhẹ, vì tâm riêng.

Do trở xuống là suy lý do của luận.

Dư trở xuống là dẫn luật Thập Tụng, chuyển chứng sám nghiệp không mất.

Đề-đạt nói đủ là Đề-bà-đạt-đa, Hán dịch là Thiên Nhiệt, là em của Đức Phật, là anh của A-nan.

Phá tăng phạm Thâu-lan-giá, chế giáo tội, vì tội nghiệp quá nặng nên đọa vào địa ngục A-tỳ một kiếp.

Ba: Cố trở xuống là dẫn kinh chuyển chứng sám hối rồi đọa địa ngục, cũng gọi là kinh Địa Ngục Báo Ứng. Nghiệp định, bất định chỉ y cứ ba thời, đủ thiếu chia khác. Ba thời đủ thì là định nghiệp. Định có hai nghĩa, như văn đã nêu. Bất định cũng có hai, trái với nghĩa nhất định, rất dễ hiểu.

Chư Phật không thể chuyển vì nghiệp lực của chúng sinh hơn năng lực của Phật.

Sau chỉ quyển cuối: Tức trong Thiên sám.

Ba loại vô ký có nhiều thứ khác nhau:

1- Vô tình hạn cuộc vô ký, hữu tình chung cho ba tánh.

2- Y cứ vào tình thì báo sắc là vô ký, tâm thì chung cho ba tánh.

3- Tâm hạn cuộc vô ký, hành tâm chung cho ba tánh.

Sau nói hai món:

1- Buông lung nghĩa là mệnh mông vô ký.

2- Thù cuồng, tức tối tâm vô ký.

Trong phần nêu bày tâm, văn trước lại có hai:

1- Nêu bày tâm tướng.

2- Như trở xuống nêu việc phạm.

Nêu riêng các giới, đến văn tự đối chiếu.

Câu: cao đàm phí thời: Luật chế đi lại, cúi ngược, thường nhất tâm, trái thì đều phạm Đột-cát-la, vì thế nói là phương tại.

Trên nói không học chế phạm.

Duy trở xuống là lựa khuyên học khai mê.

Khoa kế, câu đầu chỉ phần nêu tướng ở trước chưa hết, tức giống như dừng.

Phương tiện trước: Hoặc tự tác phạm, như khi mới ngủ tác ý thất lậu, hoặc dạy người khác như sát sinh, trộm cắp, v.v... Hoặc từ nghiệp tướng thành phạm như tự an sát đầy đủ, v.v... Hoặc y cứ vào quả thành tùy thuộc vô ký, do nương phương tiện, vì thế nói rằng thông trước, v.v... Như luận tức luận Thành Thật ở sau.

Trong phần hỏi đầu: Chứng minh luận chỉ trên.

Trong phần đáp, câu đầu chỉ chung, sơ trở xuống là giải thích riêng:

1- Trước y cứ về phương tiện để giải thích, tức thù miên, cùng loạn vô ký đã nói ở trên. Đầu nói nhân trước nên chiêu cảm quả, sau nói chánh thành thì chẳng phải quả báo.

2- Y cứ về hai báo chung riêng để giải thích. Nghĩa này chung cho hai món vô ký ở trước. Báo chung nghĩa là gồm thọ quả báo địa ngục; Báo riêng nghĩa là thọ riêng các đường khác.

Như trở xuống là dẫn chứng, có ba: Hai chứng trước là buông lung nói trên, một chứng sau là thù miên cuồng loạn ở trên.

Như kinh: Chưa rõ kinh gì (có chỗ nói là kinh Thập Nhị Đầu-đà hạnh, văn đó không nêu ra).

Bất giác là tâm vô ký.

Trong Ngũ Bách Vấn chép: Xưa có một vị Tỳ-kheo làm việc, tay bần cầm thức ăn bị đọa vào loại ngựa quỷ. Có một vị La-hán nghe tiếng rên rĩ ở dưới hầm xí bèn hỏi thì quỷ kia đáp rằng: Tôi từng làm tri sự trong chùa, tay dơ cầm làm cho thức ăn bất tịnh, cho tăng ăn nên đọa vào loài ngựa quỷ làm thân con giòi, không được ăn phân, vì thế mới rên rĩ. Vị La-hán nghe vậy liền sám hối cho nó, nó mới ăn phân được. Lầm xúc tức là tâm vô ký.

Bộ Thành luận chép: Nghiệp thù miên: Như trong mộng lậu thất phạm năm tội Đột-cát-la, dạy người tự nghiệp, như trên đã nói.

Trong phần hỏi kế, nêu khai vọng trước. Trong phần đáp, hai câu đầu là chỉ trước nêu sau.

Vị trở xuống là chánh đáp. Trước nêu người học.

Ngụ trở xuống là nói mê vọng. Như trở xuống là lược nêu giới tướng. Ngược với trên nghĩa là chẳng phải người học, đối chiếu sẽ hiểu.

Trong phần kết khen: Hai câu đầu chỉ bày sinh tử lâu dài. Nghiệp khổ nêu chung nhân quả. Miên nghĩa là ra vào lâu xa. Tích nghĩa là tạo nghiệp thô nhận rất nhiều.

Sinh báo: Chỉ riêng quả khổ cùng tận.

Hư trở xuống: Than thở hủy phạm bị đọa lạc. Tùy vọng khởi nghiệp nên nói là hư tống.

Không có ba thiện: Nhiều nhân ác.

Thêm ba ác: Không có quả lành.

Phụ tức bằng nghĩa là tăng thêm.

Dĩ trở xuống là chánh thân.

Kinh sinh dụ như độ đời.

Tức nghĩa là hơi thở.

Thứ hai là dẫn chứng.

Trong phần chánh chép: Trước nói kinh Mục-liên Vấn (cũng gọi là kinh Phạm Giới Báo Ứng Khinh Trọng).

Trước nêu người phạm, cứ trở xuống là nói ba chúng đều phạm Đột-cát-la, tội báo đồng như tăng. Nay y cứ gồm chung sáu tụ vì thế chỉ nêu hai chúng mà thôi.

Không hổ thẹn trở xuống là nêu tâm phạm, nhưng quả báo tùy tâm dài ngắn không nhất định. Hoặc trước nặng tà kiến, dầu phạm tội khinh đâu dừng ở số này. Hoặc từ tâm hổ thẹn, tuy phạm tội trọng nhưng chưa hẳn đúng số, y theo đó sẽ biết.

Trong kinh, lại y cứ một tướng, nên y cứ vô tâm, khinh mạn để định quả báo vị lai không sai. Nếu đầy đủ tâm này thì nhất định như số năm.

Bốn câu trên y cứ theo kinh, sau là sáu tụ, phạm trở xuống là nêu tướng. Trong kinh nói chung là địa ngục. Y cứ theo Tạp Tâm riêng đối với sáu ngục. Nê-lê tức là tên ngục, Hán dịch là Vô khứ xứ.

1- Trong tội Đột-cát-la: bốn vị thiên vương và mặt trời, mặt trăng ngang nhau, ở giữa eo núi Tu-di.

Đọa Nê-lê tức địa ngục Đẳng Hoạt. Ở cõi trời năm trăm năm là một ngày một đêm ở địa ngục.

Nói: Ở nhân gian chín trăm ngàn nghĩa là do ở nhân gian năm mươi năm là một ngày ở cõi trời. Một ngàn năm trăm năm là một tháng, một muôn tám ngàn năm là một năm; mười tám muôn năm là mười năm; một trăm tám mươi muôn năm là một trăm năm, chín trăm muôn năm là năm trăm năm (trên là y cứ số ít, nếu dùng số nhiều mười muôn là năm, thì hợp lại nói là chín mươi ngàn, nghi là kinh nói lộn).

2- Trong Ba-la-đề Đê-xá-ni: Cõi trời Tam thập tam ở đỉnh núi Tu-di, đây là đọa vào địa ngục Hắc Thăng. Ở cõi trời đó một ngàn năm bằng ở địa ngục một ngày một đêm.

Tính theo nhân gian: Ở nhân gian một trăm năm là một ngày ở cõi trời, ba ngàn năm là một tháng, ba vạn sáu ngàn năm là một năm, ba mươi sáu muôn năm là mười năm, ba trăm sáu mươi muôn năm là một trăm năm, ba ngàn sáu trăm muôn năm là một ngàn năm (cũng y theo số nhiều ngàn muôn là ức, vì thế dùng ba ngàn muôn làm ba ức. Mười muôn làm thiên, vì thế sáu trăm ức làm sáu mươi ngàn (thiên)).

3- Ba-dật-đề: Dạ-ma và ba tầng trời sau đều nương hư không mà trụ, chung với trước là sáu tầng trời cõi Dục, đây là đọa địa ngục Chúng Hợp. Ở nhân gian hai trăm năm là một ngày ở cõi trời, sáu ngàn năm là một tháng, bảy mươi hai ngàn năm là một năm, bảy mươi hai muôn năm là mười năm, bảy trăm hai mươi muôn năm là một trăm năm, bảy ngàn hai trăm muôn năm là một ngàn năm, mười bốn ngàn bốn trăm muôn năm là hai ngàn năm (ngàn muôn là ức, thành mười bốn ức, mười muôn là ngàn thành bốn ngàn. Xét trong kinh này hai mươi bốn ức. Chữ nhị làm thành nhất. Lời sao rằng hai mươi mốt là y cứ sự tính toán là sai).

4- Thâu-lan-giá: Đọa địa ngục Hào khiếu, ở nhân gian bốn trăm năm là một ngày ở cõi trời, một muôn hai ngàn năm là một tháng, mười bốn muôn bốn ngàn năm là một năm, một trăm bốn mươi bốn muôn năm là mười năm, một ngàn bốn trăm bốn mươi muôn năm là một trăm năm, mười bốn ngàn bốn trăm muôn năm là một ngàn năm, hai mươi tám ngàn tám trăm muôn năm là hai ngàn năm, năm mươi bảy ngàn sáu trăm muôn năm là bốn ngàn năm (ngàn muôn là ức, thành năm mươi bảy ức. Mười muôn là ngàn thành sáu mươi ngàn, lời sao và kinh đều ghi rằng năm mươi ức, bỏ chữ bảy mà thôi).

5- Tăng tàn đọa địa ngục Đại khiếu: Ở nhân gian tám trăm năm là một ngày ở cõi trời, hai muôn bốn ngàn năm là một tháng, hai mươi tám muôn tám ngàn năm là một năm, hai trăm tám mươi tám muôn năm là

mười năm, hai ngàn tám trăm tám mươi muôn năm là một trăm năm, hai mươi tám ngàn tám trăm muôn năm là một ngàn năm. Tám lần hai mươi ngàn muôn tức hai trăm hai mươi bốn ngàn muôn. Tám lần tám trăm vạn là sáu ngàn bốn trăm muôn. Tính chung là hai trăm ba mươi ngàn bốn trăm muôn là tám ngàn tuổi. (Dùng số lớn để luận tức hai trăm ba mươi ức bốn mươi tuổi, kinh này ghi lầm là ba mươi ngàn.

6- Ba-la-di đọa địa ngục Viêm nhiệt. Ở nhân gian một ngàn sáu trăm năm là một ngày ở cõi trời, bốn ngàn tám ngàn năm là một tháng, năm mươi bảy ngàn sáu ngàn năm là một năm, năm trăm bảy mươi sáu ngàn năm là mười năm, năm ngàn bảy trăm sáu mươi ngàn năm là một trăm năm, năm mươi bảy ngàn sáu trăm ngàn năm là một ngàn năm, năm trăm bảy mươi sáu ngàn năm là một ngàn năm ba trăm bốn mươi lăm ngàn sáu trăm ngàn năm là sáu ngàn năm. Tính chung là chín trăm hai mươi mốt ngàn sáu trăm ngàn năm ở nhân gian là mười sáu ngàn năm ở cõi trời (tính theo số lớn mà nói, như lời sao đã hợp).

Kế, là trong kinh Niết-bàn, trước dẫn kinh: Trời Đao-lợi tức trời Tam Thận Tam. Số tuổi của mặt trời, mặt trăng cũng tính theo nhân gian.

Dữ trở xuống là tính chung theo thế tục: Mười lần mười là một trăm, mười lần một trăm là ngàn, mười lần ngàn là muôn, mười lần muôn là ức. Mười ức là triệu (đây là số ít). Hoặc dùng một trăm lần một trăm là ngàn, ngàn lần ngàn là muôn, muôn lần muôn là ức, v.v... (đây là tính theo số nhiều). Ở trước là kinh y cứ theo số nhiều, kinh Niết-bàn là theo số ít. Nhưng hai kinh đối với cõi trời không đồng, chín trăm, tám trăm khác chưa thể hòa hợp.

Trong phần khuyến tin, trước chỉ kinh, đây là lời Phật nói, người phải kính tin.

Kinh Mục-liên Vấn do ngài An Thế Cao đời Hán dịch kinh Niết-bàn, do ngài Đàm Vô Sấm ở Bắc kinh dịch. Trong tạng có kinh dịch sai, nghĩa là không dịch chữ chủ danh. Lại có kinh nghi rằng chân ngục khó rõ. Lại có ngục kinh thấp kém có thể khác nhau, sợ người ngu xem văn kinh ý cho rằng bấy giờ ở nước xa truyền đến đây, đâu biết rằng do Đức Phật nói, vì thế lúc bấy giờ mới ngăn đó. Thời nay phần nhiều đồng xem như vậy, đều lạc vào rừng tà, thật đáng thương xót.

Chớ trở xuống là chánh khuyên.

Bất phản tri nghĩa là không phản tính lỗi mình.

Hình khai nghĩa là chịu khổ trong sáu ngục.

Trường kiếp: Trong luận Trí Độ giải thích rằng như số hộ cải đầy

trong ngôi thành lớn rộng bốn ngàn dặm, có vị tiên sống lâu cứ một trăm năm lấy ra một hột. Như thế số hột cải đầy trong thành đó thì kiếp không cũng chưa hết. Lại có hột đá rộng bốn ngàn dặm, cứ một trăm năm mới lau một lần, như vậy đá lau đến hết mà kiếp vẫn chưa hết. Đây là thời kiếp không thể cùng tận.

Trong phần bác bỏ ngu (khiển trách), khoa đầu, câu trên chỉ bày sự ngu muội.

Tự hủy ý nói chính thân là Phật tử mà tranh luận hủy báng Đức Phật. lại tự thân bảm thọ giới mà tranh luận hủy báng giới luật, vì thế như dụ lá vàng, v.v... là nói ở đây.

Tức trong kinh Phật có nói lời này. Vì thế, kinh Niết-bàn nói nghĩa: Khi đứa trẻ khóc (dụ cho hàng Tiểu cơ (căn cơ thấp kém). Cha mẹ liền lấy chiếc lá dương vàng mà nói với trẻ rằng: Đứng khóc nữa cha mẹ cho con vàng nè! (Dụ như Đức Như lai thí cơ). Đứa trẻ thấy lá vàng này rồi tưởng là vàng thật, liền nín không khóc nữa (nghĩa là chứng Niết-bàn). Nhưng là vàng này thật không phải là vàng (không phải là Đại Niết-bàn). Trâu gỗ, ngựa gỗ, nam gỗ, nữ gỗ, đứa trẻ thấy đó cũng đều tưởng là trâu, ngựa, nam, nữ thật (dụ cũng đồng như trên). Đây là Đức Như lai nói lại ý trước đây đã nói pháp cho hàng Tiểu thừa, đến thời Niết-bàn quyết rõ pháp cho hàng Tiểu thừa, đến thời Niết-bàn quyết rõ quyền nghi đồng quy về thường trụ, đâu còn có Tiểu thừa ư, đó gọi là không biết giáo.

Trong phần chánh phá, văn đầu, hai câu trên nêu giáo vốn dung thông. Nếu y cứ nơi lý đại tiểu thì lý giáo thật có khác. Nay y cứ từ gốc ra, hoặc y cứ về khai hội có quy, vì thế nói là không phân cách.

Đối trở xuống là nói do căn cơ nên có khác.

Cố trở xuống là dẫn chứng. Trước chứng nói Tiểu thừa ngộ Đại thừa, tức kinh Vô Lượng Nghĩa.

Kinh nói: Nay người Thiện nam, lúc đầu nói (ở vườn Nai); chặng giữa nói (thời Phương Đăng, Bát-nhã), nay nói (tức kinh này) văn từ là một nhưng nghĩa khác nhau, nên chúng sinh hiểu khác, vì hiểu khác nên đắc đạo cũng khác.

Này người Thiện nam, ban đầu nói pháp Tứ đế vì người cầu quả Thanh văn, có tám ức người, các vị trời đến nghe pháp đều phát tâm Bồ-đề (đây chứng nghĩa sao ở trước nói tám muôn), kế nói Phương Đăng, Bát-nhã, Bồ-tát tu hành, có trăm ngàn Tỳ-kheo, vô lượng trời người chứng quả Tu-đà-hoàn (đây đồng với văn sau). Hai thời sau (Phương Đăng và Bát-nhã) là chứng tỏ nói Đại thừa ngộ Tiểu thừa.

Tức kinh Niết-bàn chép: Tu-bạt-đà-la nghe Đức Phật nói kinh Đại Niết-bàn pháp mầu sâu xa chứng được chánh pháp nhãn tạng, cho đến lậu tận, chứng quả A-la-hán, v.v... trở xuống y cứ kinh hiển ý. Đây nghĩa là Một âm dân pháp của Đức Như lai, chúng sinh tùy loại được hiểu. Song đây phải nghĩ ngôn giáo là một, còn như ý của Đức Phật không có mất phó vì thế khiến cho tùy loại được lợi ích. Đây ý nói không dùng sở học để chia Đại Tiểu, hễ thông suốt về Đại thừa thì tất cả quy về Đại có ngại gì học luật. Người có ý chí Tiểu thừa thì việc làm đều là Tiểu thừa. Người tự nghiên cứu kỹ càng về kinh điển thì nói rằng tâm không chỉ có một.

Khoa kế có hai:

(1) Suy công của giới, trước nêu Phật.

Thí vi: Là từ ngữ chung về phép tắc một thời kỳ hóa độ chúng sinh.

Oai nghi là giới học, chủ giống như Tôn.

Đã trở xuống là nêu lý do. Trước nói đối bệnh. Thân miệng tức là nghiệp. Tâm sử là hoặc bổng phát.

Nay trở xuống là nói thứ lớp trị.

(2) Nay có trở xuống khiến trách cuồng vọng. Trước nêu bày chỗ chấp.

Vị địa nghĩa là bạc-địa phạm phu.

Án thác nghĩa là vô nghi úy.

Khinh chân kinh nghĩa là hủy báng luật giáo.

Trọng ngã giáo nghĩa là nói những người đã học tập.

Tức trở xuống là y cứ vào lời dạy.

Phần chất hai đầu đều y cứ nghĩa khai hội, do bốn Tiểu giáo quy về nhất Phật thừa nên hai đầu nói là tức.

Mười tám là chỉ số mục.

Bộ là chỉ một bộ căn bản.

Thanh văn chỉ nói là Thi-la, Bồ-tát thì thêm Ba-la-mật tức một trong sáu độ.

Như trở xuống là thương xót kẻ ngu ám kia. Lời dạy tuy hiển rõ, nghe mà không tin nên nói là không nhập mà thôi.

Trong phần ba ở trước dẫn kinh Ma-da. Tỳ-ni trụ trì, Thiên Thắng phá hủy nên pháp sẽ diệt.

Kế dẫn kinh Niết-bàn: trước nêu tà thuyết, đã dẫn ở trước. Phương tiện sợ người nói không thật, v.v...

Như trở xuống là quyết phá, trước dẫn văn kinh. Dĩ trở xuống là

y cứ kinh trách sâu.

Bốn: Trong phần nêu tông, dẫn kinh Bát Nê-hoàn và luật Thiện Kiến, đều đồng kinh Di Giáo, vì thế nói là các kinh. Song đã dụ Sư, vẫn phải vâng theo thực hành vì trái nghịch với sư thì bị tội nghịch, hủy giới thì đọa vào đường khổ.

Năm: Dẫn kinh, Sư dụ cho Đức Như lai; đệ tử dụ cho người học; lại dụ hai thừa; án ma dụ tìm tòi nghiên cứu.

Kia trở xuống là dụ học Đại thừa, chê bai Tiểu thừa.

Bỏ trở xuống là dụ học Tiểu thừa chê bai Đại thừa.

Thí trở xuống là hợp pháp rất dễ hiểu.

Phương Đẳng là tên chung của Đại thừa.

Dĩ trở xuống là hiển nghiệm.

Trong phần sáu, trước nêu vị sâu, hai câu trên chỉ bày nghĩa hòa giáo. Giáo của Thanh văn chỉ chung đạo mà thôi.

Nói hữu duyên tác là lợi ích chúng sinh, vì hiện hành mười điều ác.

Nói không nhiễm phong nghĩa là tự mình không bị nhiễm các lỗi lầm dơ bẩn, phải đầy đủ hai lợi mới cho thực hành. Y cứ theo văn sau phải đến Bát Địa hoặc nói là Sơ Địa trở lên. Kế nói sơ tâm có ba:

(1) Chỉ bày chỗ tu, từ Địa Tiên, Tam Tiên, v.v... chưa phá vô minh, còn sinh nhiễm trước chưa được như trên. Nhưng đồng Thanh văn là do Bồ-tát xuất gia quyết phải gồm giới Tiểu thừa. Lại vì trong tụ thứ ba luật nghi dưới ác Đại Tiểu chẳng khác.

(2) Từ tức trở xuống là dẫn chứng, kinh Niết-bàn nói La-sát là dụ cho ba độc. Phao nổi là dụ cho giới thế.

Một: Toàn khát dụ cho phạm giới trọng.

Hai: Khất bán dụ cho phạm giới Tăng tàn.

Ba: Khất một trong ba phần dụ cho phạm giới Thâu-lan-giá.

Bốn: Khất thủ kế dụ cho phạm tội xả đọa, đơ đọa.

Năm: Khất vi trần kế dụ cho phạm tội Đột-cát-la (trong sáu tụ thiếu Ba-la-đề Đê-xá-ni, vì nghĩa đồng Đột-cát-la) Văn nêu Đột-cát-la so sánh nhẹ với nặng. Hựu trở xuống là dẫn luận Trí Độ. Không chứa tài vật cũng là vị hộ giá. Nhưng nói v.v..., luận kia chép: Không trộm cắp: Đã bố thí tài vật cho pháp giới hữu tình, tức dùng giới pháp tự mình thực hành và giáo hóa người khác, cũng gọi là dùng giới pháp hành kỹ để giáo hóa chúng sinh.

(3) Từ dĩ trở xuống: y cứ khiển trách. Trước nêu quá lạm, hành chẳng phải là lựa chọn chỗ làm thường.

“Nói quá thật nghĩa là cao đàm hư luận.

Sỉ kỹ phạm, nghĩa là lo người khác thấy khinh thường.

Mậu tự bao nghĩa là nói ta là Đại thừa, người không có khuôn phép Tiểu thừa.

Dư trở xuống là nói mặt gầy.

Phiền não hợp nghĩa là buông lung làm ác, thuận theo dục tình.

Trong bầy là nói chúng giảng thiên, ngày nay tụng chỗ học tuy khác, nhưng chưa có ai không thọ giới; nếu vốn vì trì giới thì phát giới phẩm, ngược lại thì luống thọ nhất định không có giới, lấy gì làm Tăng bảo, làm sao tiêu của tín thí, luống tự mình cạo tóc nhuộm y cuối cùng cũng bị đọa.

Lại Đại thừa Phương Đẳng chỉ khai tâm không câu nệ hình tướng y phục.

Cư sĩ Tịnh Danh, trong kinh Hoa Nghiêm Tri Thức tùy duyên giáo hóa chúng sinh, không mượn hình nghi. Nay đã thông phương, nhọc gì cạo tóc nhuộm y, nếu tự mình phản tỉnh sẽ tự mình rờ đầu.

Khoa tám chia làm hai:

(1) Khuyên kia bộ pháp.

- Trước nêu thể tướng để khuyên: Giới thọ là thể, hình nghi là tướng.

- Sau từ nay trở xuống nêu tướng, trụ trì tức người cạo tóc nhuộm (đắp) y, pháp Yết-ma, chốn già-lam, việc huấn đạo (giảng đạo), bốn vị tăng hoặc y cứ về bốn vị, hoặc chỉ là sơ vị.

(2) Từ nhược trở xuống: Trách kia cuồng vọng.

- Trước nêu tham lợi nương Tiểu thừa.

- Sau từ nhược ô hãn trở xuống là nói chống phạm nương Đại thừa. Cố trở xuống là dẫn trách. Phật tạng đệ nhất, Phật bảo Xá-lợi-phất rằng: Thí như con dơi khi muốn bắt con chim thì phải vào trong hang làm con chuột; Khi muốn bắt con chuột thì phải bay lên trên trời làm con chim, mà thật ra không có công dụng của con chim con chuột, thân kia dơ uest chỉ vì ưa mê muội. Nay Xá-lợi-phất! Tỳ-kheo phá giới cũng giống như vậy, không bố-tát, tự tứ, cũng không phục dịch cho vua cho nước thì không gọi là tại gia, không gọi là xuất gia, v.v...

Lại trong kinh Thập Luân quyển bảy chép: Tự mình đối với pháp Đại thừa các hạnh cảnh giới chưa từng tu học, chưa thể giải ngộ, đối trong chúng tự xưng mình là Đại thừa, đây là vì danh lợi nên lừa dối dụ dẫn người ngu si khiến họ gần gũi và làm bạn với mình. Thí như con lừa mang da con sư tử mà tự cho mình là sư tử, có người ở xa nhìn thấy cho

là sư tử thật, đến khi kêu lên thì mới biết là lừa.

Quảng trở xuống là chỉ hai kinh trước, lược như trên đã dẫn. Hầu đãi, nói kinh kia rõ ràng không đợi trình bày mà sau cũng hiểu.

Trong phần nêu ý, trước nêu ý rộng khiến trách, tức kia quá đổi chẳng ra gì.

Trần mộng nghĩa là tà ngôn ác kiến, làm hoại lòng tin mất đạo, dụ như bụi dơ làm bẩn vật trong sạch.

Du trở xuống là dận dò, cái gọi là tơ mầu trắng dễ nhuộm, màu đỏ mầu tím khó phân. Mặc dù phương tiện uyển chuyển chỉ bày còn chưa thể phản tỉnh, há không có giới cấm thì tình trạng ham muốn ở đời thật khó nói, buông lung làm sai đây là chỗ ham muốn của con người. Vả lại, thế hệ của các vị Tổ sư phong cách kia còn có trường hợp như vậy, huống chi thời nay không đáng lấy làm lạ.

